

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA SƯ PHẠM TRUNG HỌC

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN

TÌM HIỂU MỘT SỐ DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA Ở
THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP (TỈNH NINH BÌNH) GẮN VỚI SỰ
KIẾN QUANG TRUNG ĐẠI PHÁ QUÂN THANH NĂM 1789

Chủ nhiệm đề tài: PHẠM THỊ THU HIỀN

Lớp: D15 LS-ĐL

Ngành: SƯ PHẠM LỊCH SỬ - ĐỊA LÍ

NINH BÌNH, 2024

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA SƯ PHẠM TRUNG HỌC

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN

TÌM HIỂU MỘT SỐ DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA Ở
THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP (TỈNH NINH BÌNH) GẮN VỚI SỰ
KIẾN QUANG TRUNG ĐẠI PHÁ QUÂN THANH NĂM 1789

Chủ nhiệm đề tài: PHẠM THỊ THU HIỀN

Các thành viên: NGUYỄN THỊ THU HUỆ

LÊ THỊ THÙY LINH

NGUYỄN THỊ HỒNG UYÊN

Lớp: D15 LỊCH SỬ - ĐỊA LÝ

Người hướng dẫn khoa học: ThS. LÊ THỊ HUỆ

Xác nhận của GV hướng dẫn

Chủ nhiệm đề tài

ThS. Lê Thị Huệ

Phạm Thị Thu Hiền

NINH BÌNH, 2024

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tổng quan tình hình nghiên cứu	1
2. Tính cấp thiết của đề tài.....	3
3. Mục tiêu nghiên cứu.....	5
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài.....	5
5. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu.....	5
NỘI DUNG	6
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU	6
1. Cơ sở lý luận chung về di tích lịch sử - văn hóa	6
1.1. Một số khái niệm.....	6
1.1.1. Di tích.....	6
1.1.2. Di tích lịch sử - văn hóa.....	8
1.1.2. Phân loại di tích lịch sử - văn hóa	9
1.1.2.1. Các tiêu chí của di tích lịch sử - văn hóa.....	9
1.1.2.2. Phân loại di tích lịch sử - văn hóa	9
1.3. Giá trị của di tích lịch sử - văn hóa	11
1.2. Cơ sở thực tiễn	15
1.2.1. Khái quát về xã thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình	15
1.2.1.1. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên	15
1.2.1.2. Khái quát về kinh tế, xã hội	16
1.2.2. Truyền thống lịch sử - văn hóa	18
1.2.2.3. Khái quát hệ thống di tích lịch sử – văn hoá ở tỉnh Ninh Bình và thành phố Tam Điệp	20
1.2.2. Ninh Bình trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mãn Thanh....	22
1.2.3. Khu di tích phòng tuyến Tam Điệp.....	25
TIỂU KẾT CHƯƠNG 1	28
CHƯƠNG 2: MỘT SỐ DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA TIÊU BIỂU Ở THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP, TỈNH NINH BÌNH GẮN VỚI SỰ KIỆN QUANG TRUNG ĐẠI PHÁ QUÂN THANH NĂM 1789.....	29
2.1. Một số di tích lịch sử - văn hóa liên quan đến sự kiện Quang Trung đại phá quân Thanh năm 1789.....	29
2.1.1. Đền Dâu	29
2.1.1.1. Khái quát sự kiện, nhân vật lịch sử liên quan đến di tích đền Dâu.....	29

2.1.1.2. Khái quát về kiến trúc di tích đền Dâu.....	35
2.1.1.3. Các hình thức sinh hoạt văn hóa, lễ hội tại di tích đền Dâu.....	36
2.1.2. Đền Quán Cháo	37
2.1.2.1. Khái quát sự kiện, nhân vật lịch sử liên quan đến di tích đền Quán Cháo ..	37
2.1.2.2. Khái quát về kiến trúc di tích đền Quán Cháo.....	39
2.1.2.3. Các hình thức sinh hoạt văn hóa, lễ hội tại di tích đền Quán Cháo	41
2.2. Thực trạng bảo tồn và phát huy giá trị của di tích lịch sử - văn hóa gắn với sự kiện Quang Trung đại phá quân Thanh năm 1789	42
2.3. Một số giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa gắn với sự kiện Quang Trung đại phá quân Thanh 1789.....	45
2.3.1. Định hướng của Đảng, Nhà nước và tỉnh Ninh Bình.....	45
2.3.2. Tăng cường quản lý Nhà nước đối với di tích	46
2.3.3. Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục di sản với công tác bảo tồn và phát huy giá trị của di tích lịch sử - văn hoá.....	47
TIỂU KẾT CHƯƠNG 2.....	49
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	50
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	
PHỤ LỤC	

BẢNG CHỮ VIẾT TẮT

	Chữ viết tắt	Nội dung
1	Cb	Chủ biên
2	DSVH	Di sản văn hóa
3	DTLS	Di tích lịch sử
4	Nxb	Nhà xuất bản
5	LSVH	Lịch sử văn hóa
6	QLDT LSVH	Quản lý di tích lịch sử văn hóa
7	QL DSVH	Quản lý di sản văn hóa
8	SV	Sinh viên
9	THPT	Trung học phổ thông
10	UBND	Ủy ban nhân dân

MỞ ĐẦU

1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Việc tìm hiểu các di tích lịch sử - văn hóa nói chung, di tích lịch sử - văn ở Ninh Bình nói riêng là một vấn đề quan trọng đã được một số học giả quan tâm, nghiên cứu.

Trước hết là các công trình nghiên cứu về di tích lịch sử - văn hóa nói chung. Tác giả Dương Văn Sáu trong Giáo trình "Di tích lịch sử - văn hóa và danh thắng Việt Nam" đã trình bày khái niệm, đặc điểm, tiêu chí xác định và phân loại di tích lịch sử - văn hóa; những vấn đề chung về di sản văn hoá, hệ thống di tích lịch sử văn hoá Việt Nam, những loại hình di tích khảo cổ, loại hình di tích lịch sử, loại hình di tích kiến trúc nghệ thuật, loại hình danh lam thắng cảnh ở Việt Nam

Trong cuốn "Bảo tàng - Di tích - Lễ hội" của tác giả Phan Khanh (NXB Thông tin, Hà Nội, 1992), "Bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa" của Nguyễn Đăng Duy, Trịnh Minh Đức (Trường Đại học Văn hoá Hà Nội, 1993) nhấn mạnh tầm quan trọng của di tích lịch sử - văn hóa đối với đời sống và nhiệm vụ giáo dục: Di tích lịch sử - văn hóa là bộ mặt quá khứ của mỗi dân tộc. Lịch sử đã trôi qua, nhưng những sự tích anh hùng vẫn còn vọng mãi trong tâm hồn bao thế hệ trẻ. Di tích lịch sử - văn hóa chính là tấm gương cho mỗi người tự soi mình, nhắc nhở bản thân cố gắng đóng góp sức lực, trí tuệ cho đất nước.

"Bảo tồn di tích lịch sử văn hóa" của Trịnh Thị Minh Đức (Ch.biên), Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2007 đã khái quát vấn đề chung của hoạt động bảo tồn di tích như: kiểm kê, xếp hạng, bảo quản, tu bổ, phục hồi và tôn tạo các di tích lịch sử văn hoá. Tìm ra các hình thức khai thác, phát huy giá trị di tích lịch sử văn hóa Việt Nam.

Bài giảng hệ thống di tích lịch sử văn hóa và danh thắng Việt Nam của Nguyễn Minh Ngọc (Chủ biên), Nxb Lao động, 200, đề cập đến khái niệm và phân loại di tích lịch sử văn hóa và danh thắng, di tích khảo cổ học, di tích lịch sử, kiến trúc nghệ thuật và đặc điểm loại hình danh lam thắng cảnh Việt Nam, trong đó có đề cập đến một số di tích lịch sử - văn hóa ở Ninh Bình.....

Thứ hai là các công trình nghiên cứu về di tích lịch sử - văn hóa của Ninh Bình nói chung, về các di tích ở thành phố Tam Điệp nói riêng:

Trong cuốn “Địa chí Ninh Bình” của Tỉnh ủy Ninh Bình và Viện khoa học xã hội, Nxb Chính trị Quốc gia Hà Nội, năm 2010, trong chương 2 viết về di tích và danh thắng đã thống kê những di tích đã được xếp hạng các cấp ở Ninh Bình, trong đó có thống kê 3 di tích liên quan đến sự kiện Quang Trung đại phá quân Thanh năm 1789 ở Tam Điệp như di tích Phòng tuyến Tam Điệp, đền Dâu, đền Quán Cháo nhưng chưa trình bày cụ thể về các di tích này. Bên cạnh đó trong phần Lịch sử, tác phẩm đã đề cập đến những vấn đề cơ bản về vùng đất Ninh Bình trong sự kiện năm 1789.

“Địa chí văn hóa dân gian Ninh Bình” do Trương Đình Tường chủ biên, được Nxb Thế Giới năm 2004, trong phần Phụ lục đưa ra bảng thống kê danh sách về di tích lịch sử - văn hóa đã được xếp hạng cấp quốc gia đến hết năm 1999, trong đó có Phòng tuyến Tam Điệp.

Năm 2005, Nxb Văn hóa dân tộc, xuất bản cuốn sách “Ninh Bình theo dòng lịch sử văn hóa” do Nguyễn Văn Trờ chủ biên, đã đề cập đến những di tích gắn với các nhân vật thờ phổ biến, những địa danh nơi có di tích, trong đó có một số di tích ở Tam Điệp.

Trong cuốn “Di tích – Danh thắng Ninh Bình” của tác giả Lã Đăng Bật viết năm 2002 cũng đề cập khái quát đến một số di tích lịch sử ở Tam Điệp như di tích đền Dâu...

Tại “Hồ sơ di tích đền Dâu”, “Hồ sơ di tích đền Quán Cháo”, “Hồ sơ di tích đền Quèn Thờ” lưu trữ tại Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Ninh Bình đã đề cập đến sự kiện - nhân vật lịch sử, đặc điểm kiến trúc, các hiện vật di tích và các hình thức sinh hoạt văn hóa dân gian tại các di tích này.

Thứ ba, các bài viết, khóa luận tốt nghiệp:

Trong bài viết "Bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa văn hoá trong bối cảnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước (Tạp chí Di sản văn hóa, số 2, quý I/2003), tác giả Hà Văn Tấn đã nhấn mạnh phải gìn giữ và phát huy các giá trị của DTLS: Nếu chúng ta không có những chính sách bảo tồn thì ngay cả các di

tích quý giá ấy cũng sẽ bị mất đi, mà một dân tộc đánh mất đi DTLS – văn hoá là một dân tộc đánh mất trí nhớ...”

Khóa luận tốt nghiệp đại học: "Thực trạng và giải pháp bảo tồn một số di tích lịch sử - văn hóa chùa và động trên địa bàn huyện Hoa Lư - tỉnh Ninh Bình" - sinh viên Đỗ Thị Phương Thúy năm 2014; "Tìm hiểu một số di tích lịch sử chưa được xếp hạng tại xã Trường Yên (Hoa Lư - Ninh Bình) - SV Trịnh Thị Bích (2014); "Tìm hiểu một số di tích thờ thái úy Tô Hiến Thành ở Gia Tân (Gia Viễn - Ninh Bình) - Đặng Thị Thảo (2016)...Các khóa luận nói trên đã đi sâu nghiên cứu, tìm hiểu về các di tích lịch sử ở một số xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình nhưng chưa đề cập đến các di tích ở thành phố Tam Điệp.

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu nói trên đã đề cập đến các di tích lịch sử - văn hóa ở góc độ lý luận chung hoặc chỉ dừng lại ở việc thống kê các di tích nói chung ở tỉnh Ninh Bình; với các hồ sơ di tích thì đề cập riêng lẻ đối với từng di tích cụ thể. Tuy nhiên, chưa có công trình nghiên cứu nào đề cập một cách khái quát, hệ thống về các di tích liên quan đến sự kiện Quang Trung đại phá quân Thanh năm 1789 một cách hệ thống trên cơ sở đó đưa ra một số biện pháp nhằm bảo tồn và phát huy giá trị di tích hiện nay. Những công trình nghiên cứu, tài liệu nói trên sẽ là cơ sở quan trọng để chúng tôi thực hiện đề tài.

2. Tính cấp thiết của đề tài

Di tích lịch sử – văn hoá là một bộ phận của di sản văn hoá, thuộc loại hình di sản văn hoá vật thể. Di tích lịch sử – văn hoá là những dấu vết vật chất được các thế hệ đi trước để lại, là bằng chứng và nguồn sử liệu chân thực, giúp những chúng ta có thể hiểu biết về quá khứ đã qua. Di tích lịch sử – văn hoá còn là sự kết tinh tài năng và trí tuệ của con người, là những biểu hiện cụ thể về bản sắc văn hoá của mỗi cộng đồng, dân tộc. Với hàng nghìn năm lịch sử hào hùng của dân tộc Việt Nam trong quá trình dựng nước và giữ nước đã để lại để lại một di sản văn hoá cùng hệ thống các di tích lịch sử - văn hoá phong phú. Tìm hiểu các di tích lịch sử - văn hoá để phần nào hiểu rõ hơn về lịch sử, văn hoá của dân tộc, trên cơ sở đó kế thừa và phát huy giá trị của di tích.

Trong quá trình hình thành và phát triển, vùng đất Ninh Bình gắn liền với nhiều sự kiện quan trọng của lịch sử dân tộc, những dấu tích của các thời kỳ lịch sử luôn tồn tại như một minh chứng về để giáo dục chúng ta về truyền thống dân tộc. Là một trong những tỉnh có mật độ và số lượng di tích cao nhất cả nước, trên địa bàn tỉnh Ninh Bình tính đến năm 2020 có 1.821 di tích lịch sử – văn hoá, chiếm 4,4% số di tích cả nước, trong đó là có nhiều di tích lịch sử – văn hoá tiêu biểu đã được xếp hạng cấp Quốc gia và cấp Quốc gia đặc biệt. Bên cạnh những dấu tích của người nguyên thủy tại di tích Mán Bạc, di tích Đồng Vườn...là hệ thống các di tích liên quan đến triều Đinh, Tiền Lê và các triều đại phong kiến khác.

Năm 1788, dưới sự chỉ huy của Tôn Sĩ Nghị, 29 vạn quân Thanh ồ ạt tiến vào Đại Việt. Trước thế giặc mạnh, quân Tây Sơn tạm rút lui để bảo toàn lực lượng, xây dựng phòng tuyến vững chắc ở Tam Điệp (Ninh Bình) - Biện Sơn (Thanh Hóa), sẵn sàng chờ đại quân từ Phú Xuân kéo ra tiếp ứng. Phòng tuyến Tam Điệp giữ vai trò quan trọng trong giai đoạn rút lui chiến lược và là địa điểm tập kết của đại quân Tây Sơn trước khi tiến ra Thăng Long đại phá quân Thanh. Do vậy, Ninh Bình là nơi còn lưu lại nhiều di tích liên quan đến cuộc kháng chiến chống quân Thanh xâm lược năm 1789 của nghĩa quân Tây Sơn. Phòng tuyến Tam Điệp, đèo Ba Dội, đền Quán Cháo, đền Dâu, đền Quèn Thờ,... là những di tích gắn liền với sự kiện lịch sử quan trọng này.

Hiện nay, UBND tỉnh Ninh Bình xác định mục tiêu xây dựng tỉnh trở thành Đô thị Di sản Thiên niên kỷ tiêu biểu và trở thành thành phố trực thuộc Trung ương vào năm 2035. Đây là mục tiêu phù hợp với tiềm năng của mảnh đất Ninh Bình và xu thế phát triển chung trên toàn thế giới. Do vậy, việc tìm hiểu các di tích lịch sử - văn hóa nói trên góp phần khẳng định giá trị của các di sản trong việc thực hiện một phần mục tiêu chung xây dựng Ninh Bình thành Thành phố Di sản niên kỷ tiêu biểu trong tương lai.

Là một sinh viên ngành Lịch sử - Địa lí, với mong muốn củng cố thêm kiến thức về lịch sử dân tộc về cuộc kháng chiến chống quân Thanh xâm lược cũng như những đóng góp của nhân dân Ninh Bình trong sự kiện lịch sử quan trọng

này thông qua việc tìm hiểu các di tích lịch sử - văn hóa ở Tam Điệp trên cơ sở đó đưa ra một số giải pháp nhằm phát huy giá trị của các di tích, chúng tôi chọn đề tài "Tìm hiểu một số di tích lịch sử - văn hóa ở thành phố Tam Điệp (tỉnh Ninh Bình) gắn với sự kiện Quang Trung đại phá quân Thanh năm 1789 " để tập dượt nghiên cứu khoa học.

3. Mục tiêu nghiên cứu

Trên cơ sở tìm hiểu giá trị lịch sử, văn hóa tại một số di tích lịch sử liên quan đến sự kiện Quang Trung đại phá quân Thanh năm 1789 từ đó đề tài đề xuất một số giải pháp nhằm bảo tồn và phát huy giá trị của các di tích đó.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Một số di tích lịch sử - văn hóa liên ở Thành phố Tam Điệp (tỉnh Ninh Bình) gắn với sự kiện Quang Trung đại phá quân Thanh năm 1789.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Nội dung: Đề tài tập trung tìm hiểu về lịch sử của di tích, nhân vật được thờ, vài nét về nghệ thuật kiến trúc của ba di tích lịch sử - văn hóa gắn với sự kiện Quang Trung đại phá quân Thanh năm 1789.

- Không gian: Tìm hiểu di tích lịch sử - văn hóa đền Quán Cháo, đền Quên Thờ, đền Dâu tại thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

5. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Cách tiếp cận: Tiếp cận theo hướng lý thuyết - thực trạng - giải pháp.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp tổng hợp, phân tích: phân tích, tổng hợp các tài liệu, nội dung đã thu thập được để làm rõ vấn đề nghiên cứu.

- Phương pháp điền dã tại các di tích tại đề quan sát, ghi chép, sưu tầm tài liệu, đánh giá hiện trạng ở các di tích.

NỘI DUNG
CHƯƠNG 1
CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

1. Cơ sở lý luận chung về di tích lịch sử - văn hóa

1.1. Một số khái niệm

1.1.1. Di tích

Theo "Từ điển tiếng Việt" của Viện Ngôn ngữ học tác giả Hoàng Phê chủ biên (xuất bản năm 2003), di tích là "dấu vết của quá khứ còn lưu lại trong lòng đất hoặc trên mặt đất, có ý nghĩa về mặt lịch sử, văn hoá" [6, tr254]. Di tích là những dấu tích do con người để lại trong quá khứ.

Di tích là những dấu tích, hiện vật, công trình còn sót lại từ một thời kì lịch sử, văn hóa hoặc nghệ thuật nào đó. Di tích có thể là các công trình kiến trúc như đền, chùa, nhà thờ, khu di sản như di sản Hoàng Thành Thăng Long được công nhận là di sản văn hóa thế, các địa điểm lịch sử như chiến trường, tiêu biểu như khu di tích chiến trường Điện Biên Phủ xã Mường Phăng, huyện Điện Biên tại tỉnh Điện Biên, khu di tích thành cổ Quảng Trị tại trung tâm thị xã Quảng Trị gắn liền với hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ oanh liệt, hào hùng của dân tộc, ... di tích thường được bảo tồn để nghiên cứu rõ hơn về quá khứ, giá trị, văn hóa của một dân tộc hoặc một khu vực . Các di tích quan trọng thường được công nhận là di sản văn hóa và được bảo vệ bởi luật pháp và quy định liên quan.

Di tích mang đậm dấu ấn lịch sử, văn hóa có giá trị và ý nghĩa quan trọng đối với cộng đồng hoặc quốc gia. Di tích có thể bao gồm các loại hình như di tích lịch sử, di tích văn hóa (công trình hoặc địa điểm mang giá trị văn hóa mà con người để lại qua các thời kỳ. Những di tích này có thể bao gồm các di sản vật thể như đền, chùa, lăng mộ và di sản phi vật thể như phong tục tập quán, ngôn ngữ, nghệ thuật... Di sản văn hóa còn là nguồn tài nguyên quý giá giúp chúng ta hiểu hơn về lịch sử, văn hóa và đời sống của các thế hệ trước) , di tích khảo cổ học (Các di tích khảo cổ học có giá trị rất lớn trong việc nghiên cứu và

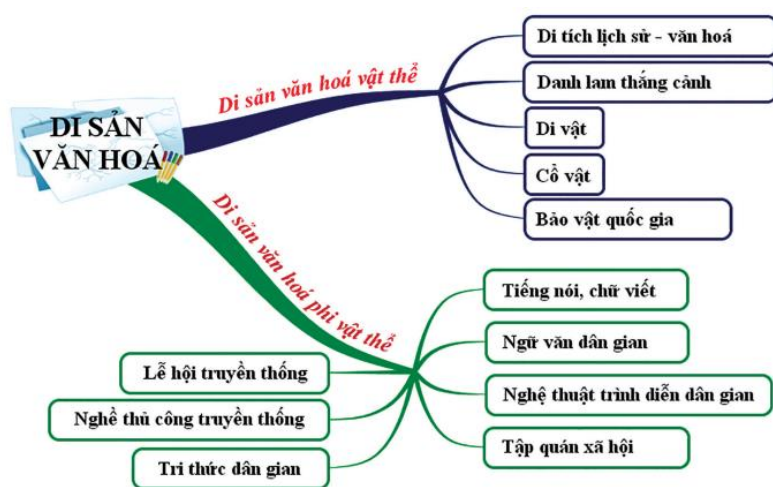
hiểu biết về lịch sử, văn hóa và xã hội của các nền văn minh đã từng tồn tại. Giúp các nhà khảo cổ học tái dựng lại cuộc sống của con người trong quá khứ, từ kiểu dáng nhà cửa, phương thức sản xuất, cho đến tập quán xã hội và tín ngưỡng). Di tích thiên nhiên (Di tích thiên nhiên là những khu vực hoặc địa điểm có giá trị đặc biệt về mặt sinh thái, địa lý, hoặc văn hóa tự nhiên. Những di tích này thường bao gồm các phong cảnh thiên nhiên đẹp, các hệ sinh thái độc đáo, các loài động thực vật quý hiếm, hoặc những đặc điểm địa chất hiếm có. Ở Việt Nam, có nhiều di tích thiên nhiên nổi bật, chẳng hạn như Vịnh Hạ Long: Nổi tiếng với hàng nghìn hòn đảo lớn nhỏ, cảnh quan tuyệt đẹp với các khối đá vôi độc đáo hay Phong Nha - Kẻ Bàng: Khu vực có hệ thống hang động phong phú và nhiều loại hình địa chất đặc trưng. Di tích thiên nhiên không chỉ có giá trị về mặt thẩm mỹ mà còn quan trọng trong việc bảo tồn đa dạng sinh học và văn hóa) v.v...

Di tích không chỉ mang giá trị nghệ thuật, kiến trúc mà còn thể hiện những giá trị lịch sử, văn hóa, tâm linh của nhân dân, góp phần gìn giữ di sản và bản sắc văn hóa của một dân tộc. Theo báo Quân đội nhân dân có viết :“ Di tích là di sản, "tiếng vang" của quá khứ, thế nên ở bất cứ quốc gia nào di tích cũng được trân quý. Ở nước ta, thời tiết không thuận lợi, lại trải qua nhiều biến động lịch sử, nên những di tích còn nguyên vẹn và lưu lại được đến hôm nay càng đáng quý hơn” cho đến ngày nay, việc bảo tồn và phát huy giá trị của di tích vẫn được Đảng và nhà nước quan tâm và chú trọng. Với những chính sách và thực hiện chương trình mục tiêu bảo tồn các di tích lịch sử như: Thăm dò, khai quật khảo cổ và phát huy giá trị di tích, huy động sức mạnh của toàn xã hội , vừa nên tăng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, toàn vẹn chủ quyền lãnh thổ quốc gia .Di tích còn tồn tại, thể hiện được niềm tự hào, tình yêu quê hương, đất nước, văn hóa truyền thống của lớp trẻ, góp phần vào việc gìn giữ giá trị bản sắc văn hóa dân tộc, trong điều kiện thế giới hội nhập hiện nay, đưa các di tích của đất nước mình “ hòa nhập nhưng không hòa tan” thể hiện được bản sắc dân tộc đậm đà, không bị mai một theo năm tháng.

1.1.2. Di tích lịch sử - văn hóa

Theo Văn bản hợp nhất Luật Di sản văn hoá năm 2001 và Luật Di sản văn hoá sửa đổi bổ sung năm 2009 (số 10/VBHN-VPQH, ngày 23-7-2013) thì di tích lịch sử - văn hoá là "công trình xây dựng, địa điểm và các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc công trình, địa điểm đó có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học". Di tích lịch sử - văn hoá là nơi xảy ra sự kiện lịch sử, nơi lưu giữ nhiều hiện vật của quá trình lịch sử.

Di tích lịch sử – văn hoá là một bộ phận của di sản văn hoá, thuộc loại hình di sản văn hoá vật thể. Sau đây là Sơ đồ phân loại Di sản văn hoá.



Di sản văn hoá là sản phẩm tinh thần, vật chất có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học, được lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác. Di sản văn hoá gồm có Di sản văn hoá vật thể và Di sản văn hoá phi vật thể.

Di sản văn hoá phi vật thể là sản phẩm tinh thần có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học, được lưu giữ bằng trí nhớ, chữ viết, được lưu truyền bằng truyền miệng, truyền nghề, trình diễn và các hình thức lưu giữ, lưu truyền khác, bao gồm tiếng nói, chữ viết, tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học, ngữ văn truyền miệng, diễn xướng dân gian, lối sống, nếp sống, lễ hội, bí quyết về nghề thủ công truyền thống, tri thức về y, dược học cổ truyền, về văn hoá ẩm thực, về trang phục truyền thống dân tộc và những tri thức dân gian khác.

Di sản văn hoá vật thể là sản phẩm vật chất có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học, bao gồm di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.

1.1.2. Phân loại di tích lịch sử - văn hóa

1.1.2.1. Các tiêu chí của di tích lịch sử - văn hóa

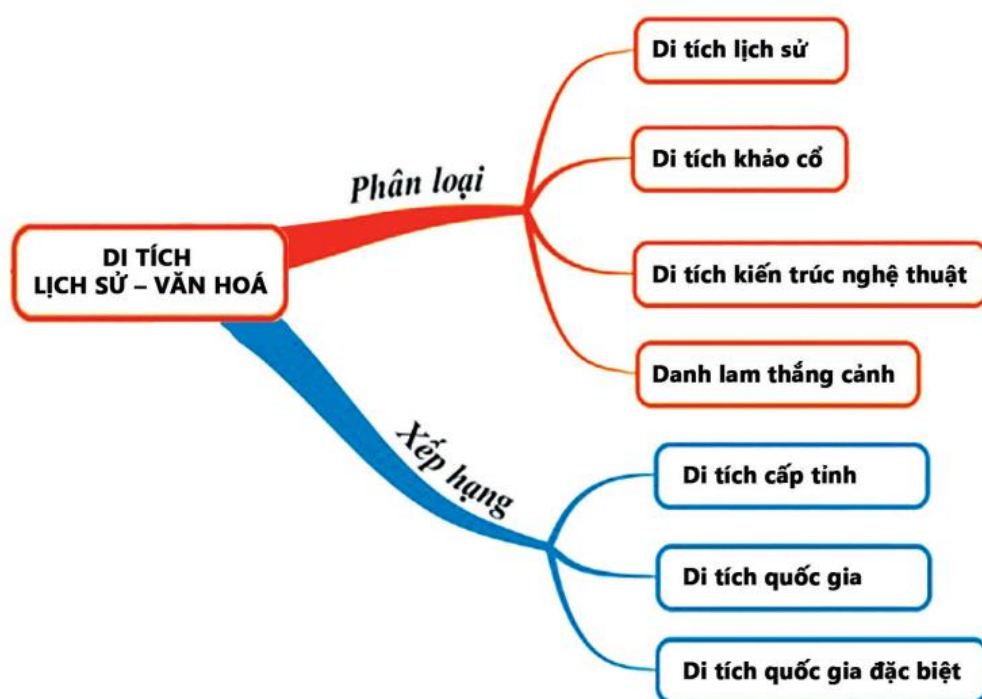
Theo Văn bản hợp nhất Luật Di sản văn hoá năm 2001 và Luật Di sản văn hoá sửa đổi bổ sung năm 2009 (số 10/VBHN-VPQH, ngày 23-7-2013), di tích lịch sử - văn hóa phải có một trong các tiêu chí sau đây:

- a) Công trình xây dựng, địa điểm gắn với sự kiện lịch sử, văn hóa tiêu biểu của quốc gia hoặc của địa phương;
- b) Công trình xây dựng, địa điểm gắn với thân thế và sự nghiệp của anh hùng dân tộc, danh nhân, nhân vật lịch sử có ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển của quốc gia hoặc của địa phương trong các thời kỳ lịch sử;
- c) Địa điểm khảo cổ có giá trị tiêu biểu;
- d) Công trình kiến trúc, nghệ thuật, quần thể kiến trúc, tổng thể kiến trúc đô thị và đại điểm cư trú có giá trị tiêu biểu cho một hoặc nhiều giai đoạn phát triển kiến trúc nghệ thuật.

1.1.2.2. Phân loại di tích lịch sử - văn hóa

Phân loại di tích căn cứ vào đặc điểm nội dung và hình thức thì di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh được phân ra thành 4 loại hình cơ bản: Di tích lịch sử (lưu niệm sự kiện, lưu niệm danh nhân); Di tích khảo cổ; Di tích kiến trúc nghệ thuật; Danh lam thắng cảnh.

Về xếp hạng, theo Luật Di sản văn hoá, di tích được chia thành: Di tích cấp tỉnh (di tích có giá trị tiêu biểu của địa phương); Di tích quốc gia (di tích có giá trị tiêu biểu của quốc gia); Di tích quốc gia đặc biệt (di tích có giá trị đặc biệt tiêu biểu của quốc gia).



Sơ đồ phân loại và xếp hạng di tích lịch sử – văn hoá (Theo Luật Di sản văn hoá)

Di tích lịch sử bao gồm những công trình, địa điểm gắn với sự kiện lịch sử tiêu biểu trong quá trình dựng nước và giữ nước; gắn với thân thể và sự nghiệp của anh hùng dân tộc, danh nhân đất nước, gắn với sự kiện lịch sử tiêu biểu của các thời kỳ cách mạng, kháng chiến dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại. Di tích lịch sử liên quan tới sự kiện hoặc nhân vật lịch sử có những đóng góp, ảnh hưởng tới sự tiến bộ của lịch sử dân tộc. Đến với di tích lịch sử, khách tham quan như được đọc cuốn sử ghi chép về những con người, những sự kiện tiêu biểu, được cảm nhận một cách chân thực về lịch sử, những cảm nhận không dễ có được khi chỉ đọc những tư liệu ghi chép của đời sau.

Di tích kiến trúc nghệ thuật bao gồm quần thể các công trình kiến trúc hoặc công trình kiến trúc đơn lẻ có giá trị tiêu biểu về kiến trúc, nghệ thuật của một hoặc nhiều giai đoạn lịch sử. Giá trị của di tích kiến trúc nghệ thuật thể hiện ở quy hoạch tổng thể và bố cục kiến trúc, ở sự kết hợp hài hòa giữa kiến trúc với cảnh quan, ở những bức chạm khắc trên kết cấu gỗ, ở vẻ đẹp thánh thiện của những pho tượng cổ, ở nét chạm tinh xảo của những đồ thờ tự...

Di tích khảo cổ học gồm những địa điểm khảo cổ có giá trị nổi bật, đánh dấu các giai đoạn phát triển của các văn hóa khảo cổ. Việt Nam là một trong

những quốc gia có nhiều di tích khảo cổ. Các di tích, di vật khảo cổ học là nguồn sử liệu quan trọng giúp việc biên soạn lịch sử trái đất và lịch sử dân tộc từ thời tiền/sơ sử tới các thời kỳ lịch sử sau này.

Danh lam thắng cảnh là cảnh quan thiên nhiên hoặc địa điểm có sự kết hợp giữa cảnh quan thiên nhiên với công trình kiến trúc có giá trị thẩm mỹ cao hoặc địa điểm ghi dấu hoạt động của con người trong lịch sử để lại, có giá trị về lịch sử, văn hóa, khoa học.

Căn cứ vào giá trị về các mặt lịch sử, văn hóa, khoa học và cấp độ quản lý các di tích lại được chia thành ba loại:

Một là, di tích quốc gia đặc biệt là di tích có giá trị đặc biệt tiêu biểu của quốc gia do Thủ tướng Chính phủ ra quyết định xếp hạng.

Hai là, di tích quốc gia là di tích có giá trị tiêu biểu của quốc gia do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ra quyết định xếp hạng.

Ba là, di tích cấp tỉnh, thành phố là di tích có giá trị tiêu biểu trong phạm vi địa phương do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ra quyết định xếp hạng.

1.3. Giá trị của di tích lịch sử - văn hóa

Di tích từ lâu đã là “tiếng vang” của quá khứ, khi giá trị cuộc sống ngày càng được nâng cao, con người dần sống vì lợi ích cá nhân mà quên đi những truyền thống lịch sử, những tinh thần đoàn kết thì những giá trị di tích lịch sử lại càng phải được nâng cao hơn.

Một dân tộc hào hùng của nước ta chỉ được thể hiện qua những di tích mà từ đó các bạn bè quốc tế cũng như những thế lực âm mưu muốn chiếm nước ta một lần nữa phải nhận ra lịch sử ta trong quá khứ đã là một dân tộc, cộng đồng dân cư yêu nước, có tinh thần đoàn kết cao, là những minh chứng lịch sử cho một dân tộc hào hùng, nhìn vào một di tích lịch sử văn hóa người ta có thể nhận thấy trình độ phát triển trong quá khứ của một dân tộc, cộng đồng dân cư, tìm thấy những giá trị lịch sử của dân tộc, sau hàng trăm năm hay ngàn năm thì những giá trị này vẫn mãi lưu giữ, không phải ngày càng bị phai nhạt. Cũng vì nhận thức được những giá trị mà di tích lịch sử văn hóa mang lại Đảng và Nhà

nước ta đã chủ trương, chính sách đầu tư nguồn lực để dốc lòng bảo vệ, gìn giữ trên khắp cả nước.

Một di tích lịch sử văn hóa không thể đem ra so sánh hay quy đổi thành tiền hay tài sản khác. Chúng ta không thể lấy con mắt thời này để nhìn xem giá trị này có còn giá trị hay không được, không thể dùng tiền bạc hay cho rằng công nghệ hiện nay hiện đại có thể làm ra được hàng trăm những công trình, hay sáng tác ra được những bài ca, hát hay những chiếc áo dài đẹp, hấp dẫn, lôi cuốn hơn gấp trăm lần.

Trong bối cảnh phát triển như hiện nay, thế giới ngày càng “phẳng”, con người dân chạy theo những thứ gọi là “thường thường”, “gu” của thế giới mà dần quên đi hoặc thay đổi, thậm chí là đánh mất đi những giá trị có ý nghĩa với đất nước ta từ hàng nghìn năm nay. Khi thế giới đang được hiện đại hóa và phát triển hơn thì ngày càng lan tỏa, nhiều văn hóa nước ngoài du nhập vào Việt Nam và trở nên phổ quát, thì việc gìn giữ những nét văn hóa riêng biệt, nhất là những di tích hữu hình càng trở nên quan trọng hơn bao giờ hết.

Mỗi một di tích tồn tại nó đều có những ý nghĩa riêng tại thời điểm đó, trải qua bao nhiêu trắc trở, những lúc khó khăn mới có thể được hình thành toàn diện và đến thời kỳ của chúng ta nhiệm vụ là bảo vệ. Đó không chỉ là những bức tượng, ngôi đền cũ kỹ, bài hát đã lỗi thời, hay những chiếc áo dài được may từ những chất liệu đơn giản mà chúng còn thể hiện niềm tự hào, tình yêu quê hương, đất nước, văn hóa truyền thống để có được những giá trị như bây giờ. Chính vì vậy, di tích lịch sử văn hóa chính là những giá trị giúp cho lớp trẻ có cách nhìn đúng đắn đối với những nền văn hóa được du nhập vào nước ta. Từ đó, góp phần vào việc gìn giữ giá trị bản sắc văn hóa dân tộc, không để “hòa tan” trong thế giới hội nhập hiện nay.

Hiện nay, trên khắp cả nước ta có rất nhiều những di tích lịch sử văn hóa được lưu giữ và bảo vệ thì vẫn còn những di tích đang chờ được “hồi sinh” ngay lúc này. Nhiều di tích trải thời tiết khắc nghiệt tại một số địa phương đã không thể còn nguyên vẹn, nhiều di tích còn có nguy cơ sụp đổ bất cứ lúc nào. Bên cạnh đó, nhiều làng nghề, những giá trị vật chất vô hình như bài chòi, ca kịch

đang có xu hướng bị mất đi khi các bạn trẻ ngày này chỉ hứng thú với những nền văn hóa hiện đại, hoặc những chương trình về ca kịch cũng ít được công chiếu.

Theo quan điểm này, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt một số chương trình mục tiêu phát triển văn hóa, trong đó gần đây nhất chính là giai đoạn 2016-2020 đã đưa ra nhiều nội dung nhằm hỗ trợ tôn tạo, bảo tồn và phát huy giá trị các di tích. Chủ trương đã có, mong rằng các cấp, các ngành, nhất là cấp ủy, chính quyền cùng nhân dân địa phương nơi có di tích đang xuống cấp cần sớm chung tay vào cuộc để những “diện mạo, hồn cốt” của tổ tiên, ông cha không bị phai nhòa theo năm tháng.

Di tích lịch sử văn hóa chính là tiếng vang của quá khứ, là một nhân chứng sống trong những cuộc chiến tranh bị quân xâm lược đô hộ. Chính vì vậy, ở bất kỳ quốc gia nào di tích lịch sử văn hóa được giữ gìn và trân quý.

Di tích lịch sử - văn hóa là một trong những tài sản vô cùng to lớn mà thế hệ đi trước đã để lại cho chúng ta, có vai trò vô cùng lớn đối với quá trình phát triển của một dân tộc nói riêng và của cả nhân loại nói chung.

Di tích lịch sử - văn hóa là bộ phận quan trọng trong hệ thống di sản văn hoá, đồng thời, di tích lịch sử - văn hóa cũng là nguồn tài nguyên quý giá đẩy mạnh phát triển du lịch. Việc khai thác các di tích lịch sử - văn hóa để góp phần bảo tồn và phát huy giá trị của các di tích.

Di tích lịch sử - văn hóa là một bộ phận quan trọng trong hệ thống di sản văn hóa của địa phương, của quốc gia hay của toàn nhân loại và có ý nghĩa rất to lớn đối với việc phát triển du lịch. Luật Di sản văn hóa Việt Nam nêu rõ: “Di sản văn hóa Việt Nam là tài sản quý giá của cộng đồng các dân tộc Việt Nam và là một bộ phận của di sản văn hóa nhân loại, có vai trò to lớn trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước của nhân dân ta” (Quốc hội, 2013). Di tích lịch sử - văn hóa cùng với các di sản văn hóa khác là nguồn tài nguyên quý giá để tạo thành các sản phẩm du lịch nhằm đáp ứng nhu cầu của khách du lịch. Di tích lịch sử - văn hóa cùng với các di sản văn hóa khác là nguồn tài nguyên quý giá để tạo thành các sản phẩm du lịch nhằm đáp ứng nhu cầu của khách du lịch. Các nước trên thế giới có nhiều khái niệm khác nhau về di tích LSVH, mỗi khái niệm đều mang ý nghĩa khác

nhau. "Di tích là một bộ phận của di sản văn hóa, là thành tố quan trọng của môi trường xã hội, góp phần vào việc giáo dục truyền thống cho cộng đồng, đặc biệt là thế hệ trẻ ngày nay, di tích là thông điệp của quá khứ truyền lại cho thế hệ mai sau, nó có chức năng giáo dục và sống cùng thời gian" [21-tr12].

Di tích lịch sử - văn hóa là tài sản vô giá của đất nước. Ở đó còn ẩn chứa rất nhiều thông tin của nhiều lĩnh vực khác nhau mà các nguồn thông tin trên các loại hình sử liệu khác không có và không thể có được. Việc khai thác và sử dụng triệt để nguồn thông tin từ loại hình sử liệu này là việc làm của nhiều nhà khoa học trên nhiều lĩnh vực khác nhau, không riêng gì chỉ là công việc nghiên cứu của ngành Bảo tàng. Đất nước Việt Nam trải qua hơn hai nghìn năm giữ nước và dựng nước. Trang sử hào hùng ấy được ghi lại bằng nhiều loại hình sử liệu khác nhau: di tích - di vật, hình ảnh, chữ viết, ngôn ngữ truyền miệng. Trong số những nguồn sử liệu ấy thì di tích lịch sử - văn hóa đóng vai trò như một nguồn sử liệu vật chất quan trọng. Nó cho chúng ta một số thông tin trực tiếp từ những hoạt động của con người trong quá khứ mà nhiều nguồn sử liệu khác không hoặc không có điều kiện đề cập tới (dĩ nhiên, các nguồn sử liệu khác cũng có những ưu thế riêng). Thông tin từ những nguồn sử liệu này đã giúp cho các nhà nghiên cứu lịch sử có những bằng chứng để khẳng định thêm sự có mặt của nhóm cộng đồng cư dân đã sống và tồn tại trên mảnh đất này. Di tích lịch sử - văn hóa là những không gian vật chất cụ thể, khách quan, trong đó có chứa đựng các điển hình lịch sử, do tập thể hoặc cá nhân con người trong lịch sử sáng tạo ra.

Như vậy, di tích lịch sử - văn hoá là những dấu vết vật chất được các thế hệ đi trước để lại, không thể tái tạo hoặc khôi phục khi đã bị mai một. Di tích lịch sử – văn hoá là bằng chứng, là nguồn sử liệu chân thực, giúp những người đang sống có thể hiểu biết về quá khứ đã qua. Di tích lịch sử - văn hoá còn là sự kết tinh tài năng và trí tuệ của con người, là những biểu hiện cụ thể về bản sắc văn hoá của mỗi cộng đồng, dân tộc. Bên cạnh đó, di tích lịch sử - văn hoá là phương tiện giao lưu văn hoá giúp nâng cao sự hiểu biết lẫn nhau giữa các cộng đồng, dân tộc.

Những giá trị nổi bật của di tích lịch sử - văn hoá đã đóng góp to lớn vào việc phát triển kinh tế nói chung của tỉnh Ninh Bình. Năm 2021, Tỉnh uỷ Ninh Bình đã ban hành Nghị quyết số 07-NQ/TU về phát triển du lịch Ninh Bình giai đoạn 2021-2030, định hướng đến năm 2045. Trong đó nêu rõ quan điểm phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn là định hướng chiến lược quan trọng của tỉnh Ninh Bình.

1.2. Cơ sở thực tiễn

1.2.1. Khái quát về xã thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình

1.2.1.1. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên

Vị trí địa lý:

Thành phố Tam Điệp nằm ở phía Tây Nam của tỉnh Ninh Bình. Phía đông giáp huyện Yên Mô, phía tây giáp huyện Nho Quan và huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa, phía nam giáp thị xã Bỉm Sơn và huyện Hà Trung thuộc tỉnh Thanh Hóa, phía bắc giáp huyện Hoa Lư.

Thành phố Tam Điệp được thành lập vào năm 2015, có diện tích tự nhiên là 10.497,9ha, với 9 đơn vị hành chính cấp xã. Khu vực nội thành: Phường Bắc Sơn; phường Trung Sơn; phường Nam Sơn, phường Tây Sơn, phường Tân Bình, phường Yên Bình. Khu vực ngoại thành: Xã Yên Sơn, xã Đông Sơn, xã Quang Sơn. Nằm ở cửa ngõ nối đồng bằng Bắc Bộ với giải lãnh thổ ven biển miền Trung, Tam Điệp có hệ thống giao thông thuận lợi: Quốc lộ 1A chạy qua trung tâm; Quốc lộ 12B đi Nho Quan - Hòa Bình; tuyến đường sắt Bắc - Nam; có 2 ga Gềnh và Đồng Giao để vận chuyển hành khách - hàng hóa. Thành phố Tam Điệp cách thủ đô Hà Nội 100 km, cách thành phố Ninh Bình 12 km.

Thành phố Tam Điệp còn được coi là một vị trí chiến lược trọng yếu, quan trọng, vì có đèo Ba Dội đây được coi vị trí giao thông hiểm yếu giữa Ninh Bình và Thanh Hóa, nếu muốn dùng đường bộ từ Thăng Long vào Thanh Hóa hay từ Đàng Trong ra Đàng Ngoài đều phải đi qua con đèo này. Trong triều Tây Sơn của thế kỷ 17, mảnh đất Tam Điệp còn gắn với tên tuổi của vị anh hùng lẫm lừng Quang Trung trong sự nghiệp giải phóng Thăng Long. Nằm ở vị trí chiến lược

ra Bắc vào Nam, đây là vùng đất đã chứng kiến nhiều sự kiện lịch sử của dân tộc. Tiêu biểu như sự kiện Quang Trung đại phá quân Thanh vào năm 1789.

Tam Điệp là một trong ba vùng kinh tế trọng điểm trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Ninh Bình, nơi đây có nhiều tiềm năng và lợi thế trong việc phát triển các ngành dịch vụ hay những khu công nghiệp, cũng như xây dựng các đô thị.

Điều kiện tự nhiên:

Thành phố Tam Điệp nằm trong khu vực vùng núi của tỉnh Ninh Bình, với nhiều ngọn núi đá vôi và có địa hình đa dạng như thung lũng và cao nguyên. Với điều kiện bao quanh là những ngọn núi đá vôi, Tam Điệp đã hình thành nên nhiều hang động như: động Tam Giao, động Trà Tu. Vùng đồi núi ở đây tập trung chủ yếu ở phía Tây thành phố thuộc dãy núi Tam Điệp, một số khu vực phía Bắc có núi nằm xen kẽ đồng bằng. Tam Điệp còn là một trong những nơi giàu tài nguyên khoáng sản như đá vôi, đất sét, quặng.... Địa hình ở đây còn có sự chia cắt, với nhiều thung lũng, hang động tạo nên cảnh quan đa dạng. Sông lớn nhất qua Tam Điệp là sông Bến Đàng chảy dọc phía đông với chiều dài khoảng 10 km. Thành phố cũng có một số con suối điển hình như: Suối Tam Điệp dài 2 km, chảy qua các phường Tây Sơn, Trung Sơn rồi đổ vào hồ Yên Thắng. Suối Đền Rồng dài 10 km, chảy từ xã Phú Long Nho Quan qua Quang Sơn, Nam Sơn rồi đổ vào sông Tam Điệp ở Bím Sơn. Tam Điệp có 8 hồ nước gồm hồ Yên Thắng chung với huyện Yên Mô và 7 hồ khác là hồ Mùa Thu, hồ Lòng Đền, hồ Núi Vá, hồ Mang Cá, hồ Bống, hồ Lý và hồ Sòng Cầu.

1.2.1.2. Khái quát về kinh tế, xã hội

Kinh tế

Tam Điệp là thành phố miền núi của tỉnh Ninh Bình. Nằm ở phía Tây Nam của tỉnh, thành phố Tam Điệp là cửa ngõ nối đồng bằng Bắc Bộ với giải lãnh thổ ven biển miền Trung, là một trong ba vùng kinh tế trọng điểm trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Ninh Bình.

Sau 40 năm xây dựng và phát triển, thành phố Tam Điệp đã trở thành một trong những vùng kinh tế trọng điểm ở tỉnh Ninh Bình. Trong những năm đầu

thành lập, Tam Điệp còn là một thị xã non trẻ, các ngành sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp còn nhỏ lẻ, ngân sách thấp, nhân dân ở đây có đời sống còn gặp nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo cao. Nhưng dưới sự chỉ đạo và quan tâm của Đảng, Nhà nước và sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh sự phối hợp tạo điều kiện giúp đỡ của các ban, ngành, đoàn thể của tỉnh và các địa phương, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Tam Điệp qua các thời kỳ đã phát huy truyền thống đoàn kết, nỗ lực phấn đấu, từng bước vượt qua khó khăn và giành được những kết quả quan trọng, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực: Sản xuất công nghiệp trở thành động lực chính; sản xuất nông nghiệp, chế biến nông sản xuất khẩu đạt nhiều kết quả cao

Thành phố đã tích cực thu hút các vốn đầu tư, phát triển công nghiệp với yêu cầu công nghệ cao, sạch, thân thiện với môi trường. Tập trung hướng tới một thành phố phát triển kinh tế một cách toàn diện.

Là một trong ba vùng kinh tế trọng điểm trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, Tam Điệp có nhiều tiềm năng, đặc biệt là lợi thế trong phát triển công nghiệp, dịch vụ, du lịch, phát triển đô thị. Cùng với quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh trên địa bàn thành phố, kinh tế - xã hội của thành phố những năm gần đây có sự chuyển biến tích cực: cơ cấu kinh tế chuyển dịch mạnh theo hướng tăng tỷ trọng ngành nghề tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ chiếm tỷ trọng gần 88% giá trị sản lượng. Hiện nay, lao động phi nông nghiệp chiếm gần 76% lực lượng lao động, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao. Hạ tầng kỹ thuật như: giao thông, điện chiếu sáng, thông tin liên lạc, cấp thoát nước, trường học, trạm y tế được đầu tư đồng bộ. Có thể khẳng định, với những tiềm năng, lợi thế, đặc biệt là địa phương xây dựng khu công nghiệp đầu tiên của tỉnh, đã tạo điều kiện thuận lợi để thành phố Tam Điệp phát triển mạnh mẽ trong những năm gần đây. Nhiều cơ sở sản xuất công nghiệp được đầu tư và đang phát huy hiệu quả như: chế biến rau quả xuất khẩu, sản xuất giấy, bao bì, thiết bị y tế, sản xuất vật liệu xây dựng, xi măng, gang thép, gạch, đá... Trong phát triển nông nghiệp, thành phố tập trung đẩy mạnh phát triển kinh tế trang trại, kinh tế vườn đồi, chăn nuôi gia súc, gia cầm có giá trị kinh tế cao. Đến nay,

cây Đào phai Tam Điệp gắn liền với sự tích chiến thắng của vua Quang Trung đã trở thành thương hiệu có tiếng được nhiều địa phương trong cả nước biết đến mỗi khi Tết đến, xuân về.

1.2.2. Truyền thống lịch sử - văn hóa

Tam Điệp là vùng đất cổ. Những dấu tích của người tiền sử được tìm thấy ở dãy núi Tam Điệp cho thấy từ xa xưa nơi đây đã có con người sinh sống, dấu vết của con người từ thời đại đá cũ (cách đây 3 vạn năm) được tìm thấy ở hang Thung Lang, nhiều vật dụng được tìm thấy ở hang chợ Ghềnh (hang núi Một) của con người thời đại đá mới (cách đây 3 nghìn năm). Tam Điệp nằm ở vùng giao thoa giữa các khu vực: Tây Bắc, đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung Bộ, với vị trí địa lý đặc biệt của mình Tam Điệp thời tiền sử và sơ sử đã trở thành một nơi chuyển tải các ảnh hưởng văn hóa từ lưu vực sông Mã ra phía Bắc và từ lưu vực sông Hồng vào phía Nam, từ vùng núi xuống biển và từ ven biển lên núi. Chính vì vậy, hẳn là bộ mặt văn hóa tiền sử và sơ sử vùng Tam Điệp phong phú và đa dạng.

Trong lịch sử dựng nước và giữ nước lâu dài của dân tộc, vùng Tam Điệp giữ một vị trí chiến lược trọng yếu. Núi rừng Tam Điệp liên một mạch với giải núi rừng chạy dài từ Hòa Bình đến biển là bức trường thành tự nhiên án ngữ tất cả các đường giao thông thủy – bộ, bắc – nam qua vùng này. Nhân dân ta vừa khai phá các đường giao thông đó nhằm mở rộng mối giao lưu kinh tế - văn hóa trong nước, vừa triệt để lợi dụng thế thiên hiểm để bịt kín các đường giao thông đó khi cần ngăn chặn kẻ thù từ Bắc tiến vào. Lịch sử đã chứng minh vị trí chiến lược của vùng Tam Điệp trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm và cả trong một số cuộc nội chiến do các thế lực phong kiến gây ra.

Về mặt quân sự, Tam Điệp giữ một vị trí quan trọng vì đèo Ba Dội nằm trong dãy Tam Điệp là một cửa giao thông hiểm yếu giữa Ninh Bình và Thanh Hóa, dùng đường bộ từ Thăng Long vào Thanh Hóa hay từ Đàng Trong ra Đàng Ngoài, đều phải vượt đèo này. Hiện tại, nơi đây là đại bản doanh của Quân đoàn 1 - Binh đoàn Quyết Thắng, là một trong bốn binh đoàn chủ lực của quân đội

nhân dân Việt Nam. Ngoài ra còn đơn vị quân đội khác đóng quân trên địa bàn là Lữ đoàn 279 - Bộ tư lệnh Công Binh.

Thời thuộc nhà Hán, đèo Tam Điệp được gọi là Cửu Chân Quan, là cửa ải giữa quận Cửu Chân và quận Giao Chỉ. Sau khi cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng thất bại, căn cứ Cẩm Khê mất, một số nghĩa quân lui xuống vùng Tam Điệp - Thần Phù để tiếp tục cuộc chiến đấu. Đầu thế kỷ 10, Dương Đình Nghệ và Ngô Quyền đã dựa vào sự hiểm trở của Tam Điệp để xây dựng và bảo vệ lực lượng ở Thanh Hóa, rồi tiến ra đánh bại quân xâm lược Nam Hán ở thành Đại La và sông Bạch Đằng. Trong cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên, triều đình nhà Trần đã sử dụng bức tường thành Tam Điệp để bảo vệ hậu phương Ái Châu - Diễn Châu và làm chỗ dựa cho căn cứ Thiên Trường - Trường Yên. Năm 1527, nhà Mạc thay nhà Hậu Lê. Nhà Mạc tách lấy hai phủ Trường Yên và Thiên Quan của thừa tuyên Sơn Nam làm Thanh Hoa ngoại trấn. Vì lúc ấy, nhà Mạc chiếm giữ từ dãy núi Tam Điệp trở ra Bắc để chống lại nhà Hậu Lê. Vua Lê Trang Tông đã đắp lũy ở Tam Điệp để chống quân Mạc.

Vùng đất Tam Điệp là phòng tuyến kháng chiến của triều đại Tây Sơn thế kỷ 17, mảnh đất gắn với tên tuổi của anh hùng Quang Trung trong sự nghiệp giải phóng Thăng Long. Do ở vào vị trí chiến lược ra Bắc vào Nam, vùng đất này đã chứng kiến nhiều sự kiện lịch sử oai hùng của dân tộc mà dấu tích lịch sử còn để lại trong các địa danh và di tích. Hệ thống các di tích lịch sử - văn hóa ở Tam Điệp gắn liền với tín ngưỡng thờ phụng vua Quang Trung.

Cũng như các vùng miền núi Ninh Bình, dãy núi đá vôi ở Tam Điệp tạo ra nhiều hang động kỳ thú như: động Trà Tu, động Tam Giao. Một yếu tố khác vô cùng quan trọng, góp phần không nhỏ làm nên diện mạo đa dạng, phong phú của văn hoá Ninh Bình, đó là sự lưu lại dấu ấn văn hoá của các tao nhân mặc khách khi qua vùng sơn thanh thủy tú này. Các đế vương, công hầu, khanh tướng, danh nhân văn hoá lớn về đây, xếp gương, đề bút, sông núi hoá thành thi ca như bài "Cửu Chân Quan" của Ngô Thì Sĩ và tấm bia khắc bài thơ "Quá Tam Điệp sơn" của vua Thiệu Trị làm năm 1842 khi đi tuần du qua núi Tam Điệp... Nhân cách bác học và phẩm cách văn hoá lớn của các danh nhân đó đã thấm đẫm vào tầng

văn hoá địa phương, được nhân dân tiếp thụ, sáng tạo, làm giàu thêm sắc thái văn hoá Ninh Bình.

1.2.2.3. Khái quát hệ thống di tích lịch sử – văn hoá ở tỉnh Ninh Bình và thành phố Tam Điệp

Hệ thống di tích lịch sử – văn hoá ở tỉnh Ninh Bình

Theo quyết định số 392/QĐ-UBND ban hành ngày 05-6-2020 về việc phê duyệt, công bố danh mục kiểm kê di tích trên địa bàn tỉnh Ninh Bình đến năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình: Tính đến năm 2020, tỉnh Ninh Bình có 81 di tích được xếp hạng cấp quốc gia. Trong đó có 3 di tích được xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt là: Di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật Cố đô Hoa Lư (năm 2012); Danh lam thắng cảnh Tràng An – Tam Cốc – Bích Động (năm 2012); Di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh núi Non Nước (năm 2019).

Ninh Bình là một trong những tỉnh có mật độ và số lượng di tích cao nhất cả nước. Trên địa bàn tỉnh tính đến năm 2020 có 1 821 di tích lịch sử – văn hoá, chiếm 4,4% số di tích cả nước, mật độ trung bình là 1,31 di tích/km². Trong đó, các di tích được phân bố đều ở 6 huyện và 2 thành phố: thành phố Ninh Bình 196 di tích, thành phố Tam Điệp 61 di tích, huyện Kim Sơn 188 di tích, huyện Yên Khánh 222 di tích, huyện Yên Mô 286 di tích, huyện Hoa Lư 272 di tích, huyện Gia Viễn 279 di tích, huyện Nho Quan 317 di tích. (Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Bình, Quyết định số 392/QĐ-UBND ban hành ngày 05-6-2020 về việc phê duyệt, công bố danh mục kiểm kê di tích trên địa bàn tỉnh Ninh Bình đến năm 2020).

Loại hình di tích trên địa bàn tỉnh Ninh Bình bao gồm hệ thống các di tích tâm linh (chùa, đình, đền, miếu, phủ, nhà thờ,...); di tích tự nhiên (núi, hang động,...); di tích khảo cổ và các loại hình khác (nhà cổ, cầu cống, văn chỉ, vườn, bia,...), gắn liền với lịch sử hình thành và phát triển của địa phương, thể hiện bản sắc văn hoá của con người Ninh Bình.

Ngoài 3 di tích quốc gia đặc biệt trên, Ninh Bình còn có nhiều di tích lịch sử – văn hoá và danh lam thắng cảnh nổi tiếng như: Vườn quốc gia Cúc Phương,

Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Vân Long, Quần thể nhà thờ Phát Diệm, Hệ thống phòng tuyến Tam Điệp,...

Đặc biệt, Quần thể danh thắng Tràng An đã được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá Liên hợp quốc (UNESCO) ghi danh là Di sản Văn hoá và Di sản Thiên nhiên Thế giới theo 3 tiêu chí của các giá trị nổi bật toàn cầu, gồm: giá trị về văn hoá, giá trị về vẻ đẹp thẩm mỹ và giá trị về địa chất, địa mạo.

Khái quát hệ thống di tích lịch sử – văn hoá của Thành phố Tam Điệp

Tam Điệp còn là một địa danh cổ, có nhiều di chỉ khảo cổ học và cũng là vùng đất có vị trí quan trọng về quân sự qua các thời kỳ lịch sử của đất nước nên nơi đây có hệ thống di tích lịch sử - văn hoá khá phong phú.

Trên địa bàn thành phố Tam Điệp cũng, các phát hiện khảo cổ học đã chứng minh khu vực này là một trong những nơi có dấu tích của người nguyên thủy cư trú. các địa điểm khai quật này chính là di tích khảo cổ. Tiêu biểu như Di tích khảo cổ học núi Ba (phường Bắc Sơn) là nơi xuất lộ những khối trầm tích cổ sinh cách đây khoảng 300.000 năm cùng một số hang động có dấu ấn của cư dân văn hóa Hòa Bình cách ngày nay trên dưới 10.000 năm; Di tích khảo cổ học Thung Lang (phường Nam Sơn) tại đây đã tìm thấy rằng người Homo Erectus cách đây khoảng 30.000 năm thuộc nền văn hóa Tràng An cùng một số dấu ấn cho thấy có sự xuất hiện của cư dân cách đây trên dưới 10.000 năm thuộc văn hóa Hòa Bình; Di tích khảo cổ học núi hang Sáo (xã Quang Sơn) là hang động và mái đá có dấu ấn của cư dân văn hóa Hòa Bình và cư dân văn hóa Đa Bút sống cách ngày nay từ 5.000 đến 10.000 năm; Di tích khảo cổ học núi Hai (phường Bắc Sơn) xuất lộ rất nhiều gốm và xương động vật thuộc thời đại kim khí cách đây khoảng 3.000 năm...

Tam Điệp là địa danh lịch sử gắn liền với chiến thắng lịch sử của nghĩa quân nhà Tây Sơn trong sự nghiệp giải phóng dân tộc năm 1789, đánh tan 29 vạn quân Thánh xâm lược. Nơi đây còn lưu giữ nhiều chứng tích lịch sử văn hóa gắn liền với sự kiện này. Quần thể di tích Phòng tuyến Tam Điệp - Biện Sơn thuộc thành phố Tam Điệp được công nhận gồm 2 cụm di tích: Khu A thuộc phường Nam Sơn gồm: đèo Ba Dội (đèo Tam Điệp), Kẽm Đói, lũy Quang

Trung, núi Cẩm Gươm, núi Cẩm Cờ, núi Chong Đèn, núi Hàu Vua, Vương Ngự, gắn với di tích đền Dâu, đền Quán Cháo. Khu B thuộc xã Đông Sơn gồm: lũy Quèn Thờ, lũy Quang Trung, đền Quèn Thờ gắn với danh thắng động Trà Tu, hồ Yên Thắng, hồ Mừng, hồ Đoòng Đèn...

Tại lũy Tam Điệp, hiện vẫn còn các di tích: Bãi luyện quân, Gò Tập, Gò Cẩm cờ, Lũy Quang Trung, Núi Hộ thành Quang Trung, Núi Bàn cờ Quang Trung, Đồn Dâu (còn gọi đồn Tam Điệp), Thành Tam Điệp, Bảo Lý Nhân, Đồn lính trú cổ triều. Vùng thành phố Tam Điệp hiện nay còn có những địa danh liên quan đến Quang Trung và quân Tây Sơn, như: Núi Vương Ngự (nơi Quang Trung đứng duyệt quân), Núi Ngô Công – nơi Ngô Văn Sở đóng, Núi Mưu Công – nơi Quang Trung họp với bộ tham mưu, Núi Vàng Mẹ, Vàng Con – nơi Quang Trung đốt hương, vàng tế trời đất; Núi Chong Đèn – nơi quân lính đốt đèn canh gác; Núi Dóng Than – nơi đốt khói làm hiệu; Núi Voi Phục – nơi một con voi Tây Sơn nằm lại trên đường tiến quân,...

Bên cạnh đó, Tam Điệp còn có nhiều là đình, đền chùa là các di tích lịch sử văn hoá như Đình Quang Hiến: Đình Quang Hiến thuộc phường Tân Bình; chùa Quang Sơn - đền Mẫu Thượng thuộc địa phận thôn Tân Thượng, xã Quang Sơn; Chùa Lý Nhân: Chùa Lý Nhân thuộc địa phận thôn Lý Nhân, phường Yên Bình.....

1.2.2. Ninh Bình trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mãn Thanh

Vùng đất Ninh Bình ghi nhiều dấu ấn đặc biệt trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc, khẳng định bản lĩnh, cốt cách, khí chất của vùng đất “địa linh, nhân kiệt”. Trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên, nhà Trần đã xây dựng Trường Yên (Ninh Bình) làm căn cứ địa chiến lược, thực hiện kế sách lui quân, bảo toàn lực lượng, đợi thời cơ đến phản công diệt giặc. Đầu thế kỷ 15, Trần Ngỗi đã dựa vào vùng đất Mô Độ (huyện Yên Mô ngày nay) để tập hợp lực lượng kháng chiến chống quân Minh. Trong thắng lợi to lớn của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, vùng đất và người dân Ninh Bình có những đóng góp quan trọng. Năm 1789, trước sự xâm lược của nhà Thanh, vị trí chiến lược của vùng đất Ninh Bình lại được nghĩa quân Tây Sơn lựa chọn làm “nước cờ

Tam Điệp” để lập phòng tuyến Tam Điệp-Biên Sơn chặn giặc. Và chính nơi đây, Quang Trung - Nguyễn Huệ chọn làm nơi hội quân, trước khi thần tốc tiến ra giải phóng kinh thành Thăng Long.

Giữa năm 1788, vua Lê Chiêu Thống cầu viện nhà Thanh. Vua Thanh là Càn Long cử Tôn Sĩ Nghị chỉ huy 29 vạn quân, chia làm bốn đạo tiến vào Đại Việt theo ba hướng chính: Tuyên Quang, Cao Bằng và Lạng Sơn. Vào cuối năm Mậu Thân (1788), 29 vạn quân Thanh vào xâm lược nước ta. Trước thế giặc mạnh, Ngô Văn Sở và Ngô Thì Nhậm cùng các tướng lĩnh Bắc Hà rút lui chiến lược về xây dựng phòng tuyến Tam Điệp và Biên Sơn, hai mặt thủy bộ liên lạc với nhau, giữ lấy chỗ hiểm yếu. Phòng tuyến Tam Điệp được xây dựng nhằm ngăn chặn cuộc tiến công của địch, bảo đảm bí mật và an toàn cho hậu phương ở phía Nam. Nhận được tin cấp báo, cuối tháng 12-1788, Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế (lấy niên hiệu là Quang Trung) rồi thần tốc tiến quân ra Bắc. Trên đường đi, Quang Trung dừng lại ở Nghệ An và Thanh Hoá để tuyển thêm quân. Ra đến Tam Điệp (Ninh Bình), Quang Trung hội quân với Ngô Thì Nhậm và Ngô Văn Sở, cùng bản kế sách đánh đuổi quân Thanh. Như vậy, khi Quang Trung tiến quân ra Bắc, phòng tuyến Tam Điệp lại là nơi tập kết của nghĩa quân Tây Sơn (từ 20-12 năm Mậu Thân tức 15 tháng 1 năm 1789 đến 30-12 năm Mậu Thân tức ngày 25-1-1789).

Dãy núi Tam Điệp như một bức tường thành thiên nhiên ngăn cách hai tỉnh Ninh Bình và Thanh Hoá, án ngữ con đường từ Bắc vào Nam. Cho đến thế kỉ XVIII, đường bộ qua dãy Tam Điệp (đường chính) có đường Hạ đạo và đường Thượng đạo. Đường Thượng đạo đã lâu không sử dụng nên đi lại rất khó khăn còn đường Hạ đạo phải đi qua đèo Ba Dội rất hiểm trở, phải len lỏi qua những khe núi vách đá dựng đứng... Đây là con đường giao thông huyết mạch Bắc – Nam của nước ta. Do vậy, nếu giữ vững được Tam Điệp, nghĩa quân Tây Sơn sẽ có thời gian chờ đợi đại quân của Quang Trung ra tiếp ứng.

Phòng tuyến Tam Điệp được nghĩa quân Tây Sơn gấp rút xây dựng. Cùng với nghĩa quân Tây Sơn, nhân dân Ninh Bình và các vùng xung quanh tích cực tham gia xây dựng một phòng tuyến vững chắc, đồng thời chuẩn bị địa bàn tập

kết và căn cứ xuất phát cho cuộc phản công sau này. Nhân dân các huyện đem lương thực, thực phẩm ủng hộ và gia nhập lực lượng nghĩa quân. Nhân dân phủ Trường Yên (nay thuộc các huyện: Gia Viễn, Yên Khánh, Yên Mô; thành phố Tam Điệp; thành phố Ninh Bình) tiến hành đào sông, mở rộng thêm đường cũ chạy theo bờ sông và tu sửa đoạn đường từ đèo Tam Điệp qua Ghềnh đến Đại Đăng (nay thuộc phường Thanh Bình, thành phố Ninh Bình). Nhiều địa điểm được chọn làm nơi cất giấu lương thực, vũ khí của nghĩa quân Tây Sơn như Xá Miếu, Mễ Sở (thuộc xã Yên Thắng, huyện Yên Mô)

Phòng tuyến Tam Điệp giữ vai trò chiến lược quan trọng trong giai đoạn rút lui chiến lược của quân Tây Sơn và là địa điểm tập kết của đại quân Tây Sơn tiến ra Thăng Long đại phá quân Thanh. Phòng tuyến Tam Điệp được nghĩa quân Tây Sơn xây dựng thành ba lớp. Lớp quan trọng nhất có lực lượng mạnh phòng ngự và tấn công, được xây dựng ở các điểm: Rịa, phồ Cát, đèo Ba Dội,... Lớp thứ hai, nghĩa quân lợi dụng vùng đồng lầy ở chân núi phía bắc Tam Điệp, từ bến Đàng (Nho Quan) đến Yên Đồng (Yên Mô), dài khoảng 20 km, làm chiến hào thiên nhiên ngăn bước tiến của giặc. Lớp ngoài cùng là những đồn tiền tiêu dọc bờ nam sông Đáy như đồn tiền tiêu ở Trung Trữ (xã Ninh Giang, huyện Hoa Lư), ở Vân Sàng (thành phố Ninh Bình), ở Cửa Đại An (xã Khánh Thiện, huyện Yên Khánh) và vùng cửa Tiểu Khang (xã Yên Mạc, huyện Yên Mô).

Một số nhà nho, tướng sĩ của nhà Lê quê ở Ninh Bình cũng tìm về Tam Điệp theo nghĩa quân Tây Sơn đánh giặc. Tiêu biểu nhất là Đinh Huy Đạo (quê ở xã Gia Phong, huyện Gia Viễn), Phạm Văn Khang (làng La Mai, nay thuộc xã Ninh Giang, huyện Hoa Lư),... Hưởng ứng cuộc hành quân thần tốc của nghĩa quân Tây Sơn trong dịp tết Kỷ Dậu (1789), nhân dân vùng Hoa Lư, Gia Viễn,... đã tập trung hàng trăm chiếc thuyền chở quân Tây Sơn vượt sông Hoàng Long, tiến công tiêu diệt cụm đồn tiền tiêu Gián Khẩu.

Đêm 30 Tết Kỷ Dậu (1789), 5 đạo quân Tây Sơn cùng tiến ra Thăng Long với khí thế từ lời hịch của Quang Trung: “Đánh cho sủi tri Nam quốc anh hùng chi hữu chủ” (Đánh cho sủi sách biết nước Nam anh hùng là có chủ). Sau 5 ngày (từ đêm 30 Tết đến trưa ngày mùng 5 Tết Kỷ Dậu), quân Tây Sơn đã đánh tan

29 vạn quân Thanh, trong đó thắng lợi tiêu biểu là trận Ngọc Hồi - Đống Đa. Tướng nhà Thanh là Sầm Nghi Đống không kịp thoát thân đã thắt cổ tự tử. Tôn Sĩ Nghị hoảng sợ, phải bỏ lại quân sĩ phía sau để tháo chạy về nước.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống quân Thanh xâm lược đã bảo vệ vững chắc nền độc lập và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước. Thắng lợi này bắt nguồn từ ý chí đấu tranh chống áp bức, bóc lột cùng truyền thống yêu nước chống ngoại xâm của dân tộc, đồng thời gắn liền với sự lãnh đạo, chỉ huy tài tình của bộ chỉ huy nghĩa quân, đặc biệt là vai trò của Nguyễn Huệ – Quang Trung. Bên cạnh đó là tinh thần đoàn kết, đồng lòng của nghĩa quân và sự ủng hộ của đông đảo các tầng lớp nhân dân, trong đó có sự đóng góp quan trọng của nhân dân Ninh Bình.

1.2.3. Khu di tích phòng tuyến Tam Điệp

Phòng tuyến Tam Điệp là một quần thể các di tích lịch sử ghi dấu cuộc chiến tranh giữa nghĩa quân Tây Sơn và quân Thanh. Quần thể di tích này thuộc khu vực dãy núi Tam Điệp (Ninh Bình), là ranh giới tự nhiên hiểm yếu ngăn cách miền Bắc và miền Trung Việt Nam. cách trung tâm thành phố Ninh Bình 20 km theo hướng đi Ninh Bình – Thanh Hoá. Đây là nơi hội quân một thời oai hùng của Quang Trung với những cái tên đèo Ba Dội, núi Gióng Than, đồi Hàu Vua, đồi Chuông, đền Cao Sơn, đền Quán Cháo, chùa Dâu... Những đồn lũy Tam Điệp, Quèn Rẻ, Quèn Thờ, Lũy Chẹn, Lũy Đệm, Lũy Đền..., ải Quang Trung, Kẽm Đó – cổ huyệt hiểm yếu nhất Tam Điệp...

Quần thể di tích lịch sử phòng tuyến Tam Điệp tại thành phố Tam Điệp được công nhận và xếp hạng gồm 2 khu:

Khu A thuộc phường Nam Sơn gồm: đèo Ba Dội (đèo Tam Điệp), Kẽm Đó, lũy Quang Trung, núi Cấm Gươm, núi Cấm Cờ, núi Chong Đền, núi Hàu Vua, Vương Ngự, gắn với di tích đền Dâu, đền Quán Cháo.

Khu B thuộc xã Đông Sơn gồm: lũy Quèn Thờ, lũy Quang Trung, đền Quèn Thờ gắn với danh thắng động Trà Tu, hồ Yên Thắng, hồ Mừng, hồ Đoòng Đền.

Khu di tích phòng tuyến Tam Điệp, gồm có 3 đỉnh đèo của Tam Điệp và một cụm đồn lũy, Kẽm Đó, lũy ông Ninh, đồn Tam Điệp, chặn ngang đường Thiên lý từ Bắc vào Thanh Hóa.

Đường Thiên lý ra Bắc vào Nam chạy trên 3 đỉnh đèo Tam Điệp, đỉnh cao nhất khoảng 110m. Thế kỷ 16, lợi dụng địa thế hiểm trở của dãy núi của Tam Điệp, chính quyền phong kiến Lê – Trịnh đã đắp một số thành lũy ở cả hai mặt Bắc Nam đèo Tam Điệp và lấy Tam Điệp làm ranh giới giữa Nam triều và Bắc triều. Cách chiến lũy này khoảng 100m là “đồn Tam Điệp”, rộng khoảng 1 mẫu bắc bộ, kiểm soát con đường thiên lý ở phía Bắc cửa ải.

Khi rút lui chiến lược xây dựng phòng tuyến Tam Điệp vào cuối năm Mậu Thân (1789), nghĩa quân Tây Sơn đã sử dụng những đồn lũy này cho nên có nhiều truyền thuyết về Nguyễn Huệ và nghĩa quân Tây Sơn ở đây. Nhân dân địa phương quan niệm “lũy ông Ninh” là cửa tiền và “lũy Quận Ké” là cửa hậu của nghĩa quân Tây Sơn.

Riêng đồn Tam Điệp được sử dụng từ đời Lê đến đời Tây Sơn đời Nguyễn và thuộc chính quyền Nguyễn Quang Toản khi đã suy yếu, nhưng đã đóng đồn ở Tam Điệp để chống lại chính quyền Nguyễn Ánh. Khi triều Nguyễn được thiết lập cũng sử dụng đồn Tam Điệp để kiểm soát con đường thiên lý ra Bắc vào Nam.

Tại Kẽm Đó, hai con đường thiên lý còn vết, hai đoạn lũy ngăn nối liền với vách núi đã bị phá hủy gần hết. Lũy ông Ninh còn khá rõ, dài 135m, chiều rộng 15m, đường cái, đồn Tam Điệp còn hai dấu vết mờ nhạt ở bờ thành phía Đông.

Phòng tuyến Tam Điệp là một quần thể các di tích lịch sử ghi dấu cuộc chiến tranh giữa nghĩa quân Tây Sơn và quân Thanh. Quần thể di tích này thuộc khu vực dãy núi Tam Điệp (Ninh Bình), là ranh giới tự nhiên hiểm yếu ngăn cách miền Bắc và miền Trung Việt Nam.

Một số di tích thuộc phòng tuyến Tam Điệp:

Đèo Tam Điệp là tên gọi chính thức trong sử sách và địa lý cổ Việt Nam, chỉ con đường thiên lý cổ thời phong kiến từ Thăng Long vào nam, đi qua 3 đoạn đèo giữa hai tỉnh Ninh Bình và Thanh Hóa. Nó là một tổ hợp đèo trên núi Tam Điệp, chạy ra biển theo hướng tây bắc – đông nam, có 3 ngọn. Đèo có tên

gọi dân gian là đèo Ba Dội, xuất hiện trong thơ Hồ Xuân Hương, trong tiếng Việt cổ có nghĩa là ba đợt, ba lớp. Thành cổ Tam Điệp: phía tây đường Thiên Lý, cách lũy Tam Điệp độ 200m, còn di tích một thành lũy cổ gọi là "Đồn Dâu" vì ở gần Đền Dâu. Thành nằm bên cạnh đường Thiên Lý, hình gần vuông, mỗi cạnh dài từ 65 - 70m. Chân thành hiện còn 7m, đoạn thành cao nhất phía tây bắc cao tới 2m. Diện tích trong thành rộng hơn 1 mẫu Bắc Bộ.

Luỹ Quèn Thờ: Là một địa danh ở xã Đông Sơn, thành phố Tam Điệp. Thực chất vùng đồi núi, rừng rú hoang vu. Luỹ Quèn Thờ gồm 3 lớp từ ngoài vào trong, từ dưới thung lũng lên sườn núi, thứ tự là Luỹ Chẹn, Luỹ Đệm và Luỹ Đền. Luỹ Chẹn và Luỹ Đệm đắp bằng đất đá hỗn hợp ở dưới thung lũng. Luỹ Đền trên sườn núi, hoàn toàn kè bằng đá, di tích còn lại, chiều dài hơn 20 m, cao trung bình hơn 1 m.

Đường thiên lý: Là tên một con đường cổ, nối hai thị xã cửa ngõ Tam Điệp với Bỉm Sơn. Với chiều dài gần 4 km, con đường quanh co uốn lượn qua bãi lau lách, hai bên đường là dãy núi đá sừng sững thâm nghiêm

Kẽm đỏ - Ải Cửu Chân: Là một dãy núi, nhìn từ xa mạch núi khép kín dần. Phía Bắc đèo Tam Điệp, đường Thiên Lý cổ len qua một "cửa ải", hai bên mạch núi đá vôi liên tiếp và khép kín lại, chừa một lối đi như miệng đờm cá khổng lồ mà truyền thuyết cho rằng thần Không Lộ Nguyễn Minh Không đã đơm đó bắt cá ở đó.

Núi Chong Đền là nơi đặt trạm gác của quân Tây Sơn, tại đây có thung Tập, gò Lệnh, gò Cẩm cò, núi Cẩm gươm là nơi doanh trại quân sĩ sống và luyện tập, thung Muối, hang Lương là nơi đặt kho lương.

Đền Dâu: Nằm ở phường Nam Sơn thành phố Tam Điệp. Đền thờ công chúa Liễu Hạnh, một trong tứ bất tử của điện thần Việt Nam đã hóa thân vào người con gái địa phương giúp dân trồng dâu nuôi tằm, may quần áo cho quân lính Tây Sơn.

Đền Quán Cháo cũng là ngôi đền gắn với truyền thuyết tiên nữ nhập vào người con gái sở tại để nấu cháo dâng cho quân lính Tây Sơn trước giờ xung trận.

Đền Quèn Thờ: nằm ở lũy Quèn Thờ, còn có tên là đền Cao Sơn vì thờ thần Cao Sơn - trấn ngự vùng núi phía tây Hoa Lư từ thời Đinh. Theo thần tích, năm xưa khi thân chinh ra Bắc, vua Quang Trung đã lên thắp hương xin kế phá giặc ở đây. Tương truyền ngôi đền thờ thần Cao Sơn trước đó ở giữa lưng chừng núi. Vua Quang Trung đã được thần báo mộng và nhắc nhở xây đền lên đỉnh núi nếu thắng trận. Sau khi thắng trận vị vua này đã cho di dời Đền lên đỉnh núi.

Động Trà Tu: Động Trà Tu còn có tên là Động Lễ, thuộc xã Đông Sơn. Vượt qua Quèn Thờ, đi bộ 4 km đường rừng quanh co, vượt qua các thung lũng và triền núi, vào tới một chiếc động đẹp tuyệt vời. Động rộng rãi, thoáng mát

Hồ Yên Thắng: Là một hồ nước lớn ở giáp giữa Tam Điệp và Yên Mô.

Hồ Đoòng Đền thuộc địa phận xã Đông Sơn, diện tích 30 ha, hồ rộng và đẹp, giữa hồ có ngọn núi Lồng Đền. Tương truyền trên đỉnh núi có ngọn đèn thấp sáng liên tục hàng đêm soi rọi cho cả một vùng rộng lớn.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 1

Vùng đất Tam điệp nằm ở vị trí địa lý rất thuận lợi, có điều kiện thiên nhiên thu hút được nhiều dân cư sinh sống tại đây từ lâu đời, trải qua bao thời gian, trên mảnh đất này đã hình thành một hệ thống di tích lịch sử văn hoá đa dạng phong phú, chứa đựng nhiều giá trị nhân văn.

Trong chương 1, đã làm rõ khái niệm về di tích, di tích lịch sử - văn hoá và khẳng định DSVH là tổng thể những tài sản văn hóa truyền thống bao gồm những giá trị văn hóa phi vật thể và văn hóa vật thể; phân loại di tích lịch sử - văn hoá, trên cơ sở đó khẳng định ý nghĩa của di tích lịch sử - văn hoá. Khái quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, truyền thống lịch sử - văn hoá của thành phố Tam Điệp, một số di tích lịch sử - văn hoá tiêu biểu của thành phố Tam Điệp, tiêu biểu như đền Dâu, đền Quán Cháo, đền Quèn Thờ..., vai trò của nhân dân vùng đất Ninh Bình trong gắn với cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mãn Thanh 1789. Đây là bước tiền quan trọng giúp phát triển đề tài để bước tiếp tới chương 2 về vấn đề thực trạng và bảo tồn các di tích tại thành phố Tam Điệp.

CHƯƠNG 2

MỘT SỐ DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA TIÊU BIỂU Ở THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP, TỈNH NINH BÌNH GẮN VỚI SỰ KIỆN QUANG TRUNG ĐẠI PHÁ QUÂN THANH NĂM 1789

2.1. Một số di tích lịch sử - văn hóa liên quan đến sự kiện Quang Trung đại phá quân Thanh năm 1789

2.1.1. Đền Dâu

2.1.1.1. Khái quát sự kiện, nhân vật lịch sử liên quan đến di tích đền Dâu

Một số sự kiện liên quan đến di tích

Đền Dâu thuộc địa phận phường Nam Sơn, thành phố Tam Điệp, nằm cách thành phố Ninh Bình khoảng 15km về phía Nam. Theo như bức đại tự treo ở đền thì Đền có tên chữ là “Tang dã Linh Từ” (Đền thiêng nương Dâu). Đền Dâu là một trong những ngôi đền nổi tiếng nằm trên con đường Thiên Lý cổ chạy qua vùng đồi núi, thung lũng đá vôi Tam Điệp, có độ cao trung bình so với mực nước biển là 50m, đặc biệt đây là di tích ngự tại thành phố Tam Điệp gắn với sự kiện Quang Trung đại phá quân Thanh năm 1789.

Theo Hồ sơ lý lịch di tích đền Dâu (lưu trữ tại Sở Văn hoá và Thể thao tỉnh Ninh Bình): "Trong sự tích “Tiên Chúa nương Dâu” ta thấy huyền thoại nêu rằng Tiên Chúa hiện lên giúp Tả tướng quân Trịnh Tùng và vua Lê đánh nhà Mạc, giành đại thắng. Theo sử cũ thì Trịnh Tùng phò vua Lê Thế Tông (1573-1599) đến năm Quý Tỵ (1593) bắt được Mạc Mậu Hợp. Kết hợp giữa truyền thuyết và sử cũ ta có thể nhận định đền Dâu có trước năm 1592 vì Trịnh Tùng phò vua Lê Thế Tông từ Thanh Hoá đánh ra Thăng Long, khi đó đóng quân ở Tam Điệp, vào cầu đền Dâu (có thể đền Dâu lúc này chỉ là một cái miếu nhỏ), đã được Tiên Chúa hiển linh phò kẻ đánh giặc. Sau khi Trịnh Tùng cả phá quân Mạc, chiếm kinh thành Thăng Long (1592) thì về cho xây dựng lại đền Dâu to lớn để ghi ân Thánh Mẫu đã phù trợ ba quân chiến thắng như những câu đối cổ khắc trên các cột đá trong đền" [9,11].

Đền Dâu thờ Thánh Mẫu Liễu Hạnh, một vị thần được dân tôn thờ là vị thánh trong “tứ bất tử” của tín ngưỡng Việt Nam, đã hoá thân vào người con gái địa

phương dạy nhân dân địa phương cách trồng dâu nuôi tằm. Một số trong những di tích có tính liên quan chặt chẽ tới Mẫu Liễu Hạnh như đền Sông, Phố Cát (Thanh Hoá), Phủ đồi Ngang, đền Quán Cháo (Ninh Bình), liên quan tới con đường Thiên Lý cổ ra bắc vào Nam, gắn với không gian ảnh hưởng của Mẫu Liễu từ Phủ Tây Hồ (Hà Nội) qua Vân Cát (Nam Định), qua đèo Tam Điệp (Ninh Bình - Thanh Hoá) tới tận đèo Ngang (Hà Tĩnh - Quảng Bình) do vậy di tích có tầm ảnh hưởng trong tầm khu vực rộng lớn...

Tại di tích còn gắn với những sự kiện lịch sử được truyền lại như: Chúa Trịnh Tùng phò tá vua Lê thống lĩnh ba quân vượt đèo Ba Dội để đánh ra Đông Kinh (Hà Nội) có qua và nghỉ lại Đền Dâu (năm 1592).

Năm 1788 khi hoàng đế Quang Trung tập kết hơn 10 vạn quân ở Tam Điệp có dựng hành cung ngay tại Đền Dâu. Cuối năm 1788, lợi dụng hành động bán nước của vua tôi Lê Chiêu Thống, 29 vạn quân Mãn Thanh tràn vào xâm lược nước ta. Trong nước, bọn phản động lúc này trỗi dậy, làm nội ứng, tiếp tay cho quân xâm lược. Thù trong, giặc ngoài, vận mệnh đất nước, dân tộc ta ngàn cân treo sợi tóc. Quân Tây Sơn đồn trú ở Thăng Long và Bắc Hà lúc bấy giờ chỉ có khoảng 1 vạn. Tương quan lực lượng giữa ta và địch quá chênh lệch. Quân Tây Sơn đã thực hiện cuộc rút lui chiến lược, lập phòng tuyến Tam Điệp-Biên Sơn. quân đội Tây Sơn đã triệt để lợi dụng địa thế lợi hại ở đây bịt kín các đường giao thông bộ qua vùng này và phối hợp với thủy quân ở Biện Sơn, ngăn chặn các đường thủy vào nam, “giữ lấy chỗ hiểm yếu” nhằm để phòng, ngăn chặn cuộc tiến công của địch, đảm bảo bí mật, an toàn cho hậu phương phía nam từ Thanh Hóa trở vào.

Ngày 20 tháng chạp năm Mậu Thân (15/01/1789), đại quân do Quang Trung thống lĩnh đã ra đến Tam Điệp. Thủy binh Tây Sơn tập kết ở vùng biển Biện Sơn. Bộ binh Tây Sơn tập kết ở vùng núi Tam Điệp. Trong 10 ngày ở Tam Điệp (15-25/01/1789), Quang Trung và quân đội Tây Sơn đã hoàn thành những khâu chuẩn bị cuối cùng cho cuộc phản công chiến lược. Khu vực tập kết của đại quân được đảm bảo các điều kiện: an toàn, bí mật, tiện đường giao thông. Khi Hoàng đế Quang Trung tập kết hơn 10 vạn quân ở Tam Điệp có dựng hành cung ngay tại khu vực đền Dâu. Như vậy, di tích đền Dâu nằm trong không gian của Phòng tuyến

Tam Điệp - Biện Sơn gắn với các địa danh như lũy Ông Ninh, thung Đông Quân, đèo Tam Điệp, lũy Quèn Thờ đây là một phòng tuyến có ý nghĩa lịch sử quan trọng của dân tộc trong chiến thắng 29 vạn quân Thanh năm 1789 và tại di tích còn lưu giữ truyền thuyết liên quan tới sự kiện lịch sử hào hùng này.

Tại đền Dâu, vào tháng 9 năm 1952, đã diễn ra Đại hội chi bộ xã Yên Sơn lần thứ III (Bao gồm xã Yên Bình, xã Yên Sơn, xã Quang Sơn và một phần phường Tây Sơn ngày nay), đề ra biện pháp lãnh đạo nhân dân trong xã chống phá kế hoạch tàn quét của thực dân Pháp xâm lược vào địa phương.

Một số nhân vật được thờ cúng tại di tích

Đền dâu là một ngôi đền đã có từ rất lâu được nhân dân tôn thờ và giữ gìn. Đền Dâu thờ các nhân vật: Mẫu Liễu Hạnh, ông Hoàng Mười, ông Hoàng Bảy. Ngoài ra, đền Dâu còn thờ Đức thánh Trần Hưng Đạo và các hoàng cô, hoàng cậu.

Tương truyền rằng Liễu hạnh Công chúa là vị thánh đã hóa thân thành bà bán cháo giúp dân trồng dâu nuôi tằm, dệt vải và góp sức giúp quân Tây Sơn đánh bại quân Mãn Thanh xâm lược lúc bấy giờ. Để tưởng nhớ công ơn của Thánh Mẫu và tin rằng người sẽ luôn ban phước và an lành cho nhân dân, người dân cổ đô đã tổ chức Lễ hội đền Dâu trang nghiêm với quy mô lớn mỗi năm.

Đã có rất nhiều câu chuyện liên quan đến Mẫu Liễu Hạnh nhưng theo trích dẫn tại tài liệu trong những lời kể dân gian và truyện “ Vân Cát thần nữ ” được ghép vào thành một câu chuyện tạo nên hình tượng một Thánh Mẫu hoàn chỉnh, là một điểm tựa và vị thần mà con người đặt niềm tin vào.

Tại thôn An Hải, xã Vân Cát, huyện Thiên Bản, hạt Sơn Nam Hạ, nay là huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định, có vợ chồng Lê Thái Công là người hiền đức, hay làm việc thiện. Ông bà đã có một con trai và khi ấy cũng đã đứng tuổi. Đến năm Thiên Hựu, đời Lê Anh Tông, bà vợ có mang đã quá kỳ sinh mà không thấy chuyển dạ, lại không ăn uống, chỉ ưa trong phòng có mùi hoa thơm. Đêm hôm ấy, gia đình làm lễ, cầu trời khẩn Phật, phù hộ độ trì cho mẹ tròn con vuông. Giữa lúc hương hoa tỏa bay thơm ngát, ở trong phòng, Lê Thái Công nằm mơ thấy mình bay lên thượng giới, rồi được dẫn vào một tòa lâu đài nguy nga tráng lệ, ở đó đang diễn ra cuộc Đại khánh tiết, bách thần làm lễ chúc thọ Ngọc Hoàng.

Một tiên nữ vận áo xiêm màu hồng nhạt, từ hậu cung bưng khay rượu bước ra. Vừa đến trước mặt Ngọc Hoàng, trong khi hai tay nâng khay, còn đầu thì khẽ nghiêng và toàn thân nhún xuống, nhưng do làm hơi vội nên đã để một chiếc chén rơi ra ... Ngọc Hoàng khẽ chau mày, nhưng rồi trước mặt triều thần, Ngài lại tươi cười nhắc chén rượu thứ hai ...Chỉ có như vậy, nhưng đã là phạm luật. Sau bữa tiệc, hai vị Nam Tào Bắc Đẩu tâu lên, tiên nữ bị giáng xuống trần, trong thời hạn ba năm, mặc dù đó chính là con gái út của Ngọc Hoàng Thượng đế. Vừa lúc ấy, Lê Thái Công tỉnh giấc. Cũng đúng lúc ấy, người nhà vào báo bà vợ đã sinh một người con gái. Ba ngày sau, khi nhìn mặt con, thấy nét mặt giống nàng tiên nữ bưng khay rượu trong bữa tiệc chúc thọ Ngọc Hoàng, ông bèn đặt tên cho con là Giáng Tiên.

Ngày tháng qua đi, càng lớn lên Giáng Tiên càng lộng lẫy, xinh đẹp. Mọi việc nữ công gia chánh nàng cũng đều thành thạo. Lại có cả tài cầm kỳ thi họa, vì ông bà cho nàng theo học Trần Công, một người bạn ở làng bên và càng học lên Giáng Tiên lại càng giỏi giang, tấn tới.

Ông Trần Công là một vị hưu quan ở làng Tiên Hương, cùng trong huyện Thiên Bản. Vợ chồng ông cũng đã đứng tuổi mà chưa có con. Một đêm, nghe có tiếng trẻ khóc ở ngoài vườn, ông bà cùng chạy ra thấy một đứa bé sơ sinh nằm dưới gốc cây đào. Ông bà đem về nhà nuôi, đặt tên là Đào Lang. Lớn lên Đào Lang là một chàng trai khôi ngô tuấn tú, siêng năng chăm chỉ học hành. Do đã đính ước với nhau từ nhiều năm trước, nên khi Đào Lang và Giáng Tiên đến tuổi trưởng thành, hai bên cha mẹ đã cho đôi trẻ nên duyên vợ chồng. Về nhà chồng, Giáng Tiên là một người vợ hiền dâu thảo, nói năng khiêm nhường, đối xử có trước có sau. Trong ba năm, nàng sinh được một trai, một gái. Giữa lúc cả gia đình đang đầm ấm vui vẻ thì bỗng nhiên nàng qua đời, không cách gì cứu sống được. Trong nỗi buồn vô hạn, kể cả Lê Thái Công, chẳng ai hiểu được lẽ trời đã sắp đặt rồi.

Giáng Tiên, nàng tiên nữ đã về trời, đúng hạn định theo lệnh của Ngọc Hoàng. Nhưng khi nàng đã ở trên trời thì lòng trần lại canh cánh, ngày đêm da diết trong lòng nỗi nhớ cha mẹ, chồng con. Những ngày hội quần tiên, những lúc

quây quần bên chị bên em cùng bạn bè, bỗng nhiên nàng lại nét mặt sa sầm, rồi lên gạt thắm dòng nước mắt... Những cử chỉ ấy, cuối cùng rồi cũng đến tai Ngọc Hoàng. Ngài cho gọi nàng lại để nghe nàng giải bày tâm sự và thỉnh cầu ước nguyện. Khi thấu hiểu, Ngài cho nàng được phép trở lại cõi trần, nhưng đổi tên là Liễu Hạnh.

Khác với lần đi đây trước, lần này do tự nguyện, nên trong lòng nàng hoàn toàn thư thái, vui vẻ, chỉ mong sao cho chóng xuống trần. Khi về đến nhà vừa đúng lúc gia đình đang làm giỗ mẫn tang cho nàng, mọi người đều hết sức ngạc nhiên và vô cùng sung sướng. Nàng ôm lấy mẹ mà khóc, rồi kể hết sự tình, dặn anh hãy gắng lo chăm sóc cha mẹ, vì lần này xuống trần nàng không thể ăn ở như lần trước, rồi trở về nhà chồng.

Đào Lang, từ ngày vợ mất, vẫn ngày đêm thương nhớ không khuây. Liễu Hạnh đẩy cửa bước vào, gặp nhau vợ chồng con cái mừng mừng tủi tủi. Nàng cũng kể rõ mọi chuyện cho chồng biết, khuyên chồng hãy cố gắng luyện chí, yên tâm theo đuổi sự nghiệp công danh, đừng quên chăm sóc con thơ, phụng dưỡng cha mẹ. Nàng quét dọn, sửa sang nhà cửa, may vá quần áo cho chồng cho con, rồi bỗng chốc lại thoát biến lên mây... Cứ như thế, thỉnh thoảng nàng lại hiện về, làm xong các việc rồi lại biến đi. Dòng già hàng chục năm sau, cho đến khi con cái khôn lớn và Đào Lang công thành danh toại, nàng mới từ biệt để đi chu du thiên hạ. Từ đó, tung tích của nàng như mây nổi, nước trôi, không nhất định ở một nơi nào cả. Nàng biến hóa và có phép nhiệm mầu như thần như thánh, bởi vì nàng cũng chính là thần thánh. Có khi nàng là cô gái đẹp vừa đi vừa thổi sáo dưới ánh trăng. Có khi nàng là bà lão đầu tóc bạc phơ, ngồi tựa cây gậy trúc ở bên đường. Có khi nàng là người bán hàng, mở quán trên lưng đèo. Lại có khi, như mọi người, nàng đi thăm viếng, vãn cảnh chùa chiền... Người nào giở thói trăng hoa, hoặc làm điều bạc ác, nàng thẳng tay trừng trị.

Tiếng lành đồn xa, tiếng "dữ" cũng đồn xa... Ở khắp mọi nơi, mọi người thi nhau bàn tán về tung tích, hành vi của nàng. Câu chuyện càng ngày càng được thêm dệt thêm mãi, hư hư thực thực. Và ai ai cũng đều nghiêm trang, kính cẩn gọi nàng là Tiên Chúa.

Nhân dân kính cần gọi Tiên Chúa là Thánh Mẫu, nhưng nhiều khi giản dị và dân già hơn, gọi Tiên Chúa là Mẫu Liễu. Mẫu Liễu là niềm tin, là sự cầu mong của tất cả mọi người. Mẫu cũng chính là lương tâm, là sự toàn thiện mà con người cần phải vươn tới [Trích theo 9, tr3-5].

Một người vừa đẹp người vừa đẹp nét lại mang tiếng thơm cho đời, đôi lúc xuất hiện với hình bóng một người thiếu nữ đẹp thôi sáo dưới ánh trăng, hay có lúc lại xuất hiện là bà lão đầu tóc bạc phơ, ngồi tựa cây gậy trúc ở bên đường,... mỗi lần xuất hiện là một thân phận khác nhau nhưng nàng đều mang lại những điều tốt đẹp, nàng như một người hùng xuất hiện bảo vệ các cô gái trước những tên trắng hoa hay những lần thẳng tay trừng trị người làm điều bạc ác... Nhờ vậy, tiếng lành đồn xa rất nhiều người đã biết đến nàng, tôn kính và nhân dân kính cần gọi nàng là Tiên Chúa - Thánh Mẫu

Ông Hoàng Mười: Xuất thân là một nhân vật lịch sử của vùng đất xứ Nghệ, là một vị tướng tài, có công lớn trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Với lòng tốt và tinh thần trượng nghĩa, ông đã giúp dân dẹp loạn, quan tâm gần gũi, giúp đỡ những người lao động nghèo khó, chính vì vậy ông được rất nhiều người dân biết đến mang lòng yêu mến và thờ cúng. Nhân dân xứ Nghệ tôn vinh “Đức thánh minh” là một vị quan nằm trong hệ thống điện thần thờ Mẫu tứ phủ ở Việt Nam. Ông Hoàng Mười là nhân vật huyền thoại nhưng lại gần gũi thân quen và được nhân dân quý trọng, tôn sùng vì ông rất hợp với tâm lý và phong cách xứ Nghệ.

Ông Hoàng Bảy: Truyền thuyết kể lại: vào cuối đời Lê (niên hiệu Cảnh Hưng 1740-1786) khắp vùng phủ Qui Hóa, nhất là châu Thủy Vĩ và châu Văn Bàn luôn bị giặc cướp phá. Trước tình hình đó, triều đình cử danh tướng thứ Bảy họ Nguyễn lên trấn thủ vùng biên ải, tiến dọc sông Hồng đánh đuổi quân giặc, giải phóng châu Văn Bàn và củng cố xây dựng Bảo Hà thành căn cứ lớn. Trong một trận chiến đấu không cân sức với quân giặc, viên tướng thứ Bảy của triều đình đã anh dũng hy sinh, thi thể ông trôi theo sông Hồng tới Bảo Hà thì dạt vào bờ. Với công đức của ông, nhân dân trong vùng đã xây dựng đền thờ để ghi nhớ công ơn ông.

Cả ba nhân vật lịch sử được tôn thờ tại di tích lịch sử - văn hóa đền Dâu nhìn chung đều là những nhân vật được thần thánh hóa, với một hình tượng các nhân

vật đều mang tính khuyến thiện , diệt ác và giúp sức dân. Tuy là mô típ làm cho các nhân vật theo một khuôn mẫu diệt trừ điều ác hướng tới cái thiện nhưng lại mang đến giá trị lớn cho nhân dân đặc biệt nó để lại cho đời sau bài học hay trở thành nét đẹp trong văn hóa người dân trên đất nước ta. Nếu Mẫu Liễu Hạnh một nàng công chúa xinh đẹp giúp dân giúp đời bằng những việc nhỏ trong đời sống hàng ngày thì ông Hoàng Mười, ông Hoàng Bảy lại là những người mang lại bình yên cho đất nước, là quan nhưng không tự mãn rất gần gũi, quan tâm giúp đỡ nhân dân nghèo khó, họ đứng ra lấy thân bảo vệ người dân bảo vệ đất nước. Đây cũng chính là một trong những yếu tố vô cùng quan trọng và đáng quý để lại bài học cho thế hệ sau.

2.1.1.2. Khái quát về kiến trúc di tích đền Dâu

Đền Dâu tọa lạc trên một thế phong thủy đẹp. Đền nằm trên một khu đất cao quay hướng đông nam. Phía trước đền có núi Hồng Ngọc làm Minh đường(làm án). Phía sau có núi Chong Đền làm Huyền vũ (hậu chẩm). Bên trái đền có núi Ngang (Hoành Sơn) làm Thanh Long. Bên phải đền có núi Béo làm Bạch Hổ.

Đền Dâu được kiến trúc theo lối chữ "nhị " (=) và hậu cung hình chuôi vồ. Qua bậc tam cấp, nơi có thể chiêm ngưỡng hệ thống cửa cánh quay, bảy hiên chạm rồng, ngưỡng cửa đá chạm hoa cúc, rồng, sóc, tàu mái trang trí hoa văn lá đề của tòa tiền đường (còn gọi là cung đệ tam). Qua ngưỡng cửa đá cao 45cm chúng ta bước vào không gian bên trong của cung đệ tam. Cung đệ tam có bốn hàng cột lim, kê trên các chân tảng đá cổ bông cao 40cm, chạm khắc hoa văn cây lá. Hai hàng cột quân mỗi hàng có 4 cột. Hai hàng cột cái, mỗi hàng có 4 cột tổng cộng có 16 cột hoàn toàn bằng gỗ lim được sơn son thếp vàng. Gian giữa của tòa đệ tam có trang trí cửa võng, phía bên dưới cửa võng có ban thờ và tượng thờ Ngũ vị tiên ông, hai bên của ban thờ có đặt đôi hạc gỗ. Cũng chính ở cung giữa tòa tiền đường có treo bức đại tự "tang dã linh từ" (đền thiêng nương dâu). Bên trái có bức đại tự "phúc tỷ Ninh Bình" (giáng phúc và che chở cho Ninh Bình). Bên phải có bức đại tự "Tối Linh Từ" (đền rất thiêng).

Cung Đệ nhị thờ Hội đồng tứ phủ (Thiên phủ, Nhạc phủ, Địa phủ và Thoải phủ). Đặc biệt ở cung này có 12 cột đá xanh, vuông nguyên khối cao từ 1,8m đến 2m mỗi chiều 0,2m x 0,2m. Trên các cột đá có chạm khắc các câu đối ngợi ca, tán dương công đức Thánh Mẫu và sự tích Hoàng đế Quang Trung bái kiến đền, được Mẫu Liễu trợ giúp đánh giặc. Bên phải của toà đệ nhị có ban thờ Cô Chín, ông Hoàng Bảy và Cậu Bé. Bên trái có ban thờ Châu đệ Tứ, ông Hoàng Mười, Quan Hoàng và Hội đồng nhà Trần (các tướng lĩnh thời nhà Trần).

Cung đệ nhất (còn gọi là cung cấm hay hậu cung) là phần (chuôi vò) nối liền với cung đệ nhị phía trước có bức đại tự “Thượng Liệt Từ”(tạm dịch là nơi thờ cao nhất), nơi đây đặt tượng thờ Tam toà Thánh Mẫu trong một long khám lớn sơn son thếp vàng. Cách bài trí ở toà đệ nhất cũng giống như cách bài trí ở cung thờ Mẫu Liễu Hạnh của đền Vân Cát, Tiên Hưng (Phủ Giày- Nam Định), Phủ Tây Hồ (Hà Nội), đền Sòng (Thanh Hoá). Ba pho tượng Mẫu ngự trên toà vừa tượng trưng Tam phủ, lại vừa mang ý nghĩa “Tam sinh tam hoá” của mẫu Liễu Hạnh.

Hiện nay tại di tích còn lưu giữ được một số loại hiện vật quý thời Nguyễn đặc biệt là: Tượng Mẫu đệ Nhất Thượng Thiên (Liễu Hạnh) bằng đồng, tượng Mẫu đệ Nhị Thượng Ngàn, bằng gỗ, tượng Mẫu đệ Tam Thoải cung bằng gỗ, bức đại tự “Tang già linh từ”, Bức đại tự "Phúc tỵ Ninh Bình". Ngoài ra tại di tích còn lưu giữ được nhiều hiện vật quý khác.

2.1.1.3. Các hình thức sinh hoạt văn hóa, lễ hội tại di tích đền Dâu

Cũng như nhiều phủ, điện Mẫu khác, đền Dâu có những nghi thức thờ cúng cơ bản như hầu bóng, tôn lô nhang và trình đồng để cầu mong đức Thánh Mẫu và các vị thần thánh ban phúc, lộc, thọ và an khang cho trăm họ. Ở những nghi thức này, đạo Mẫu nói chung và đền thờ Mẫu ở đền Dâu nói riêng đã khẳng định tính đặc thù mang màu sắc riêng biệt của mình.

- Lễ tôn nhang: Đây là nghi thức tôn bát nhang, bốc bát nhang hay đặt bát nhang thờ những vị Thần, Thánh là quân gia thị thần của Mẫu nhằm được sự phù hộ độ trì của Mẫu và Thánh, Thần.

- Lễ trình đồng: Nghi thức này chủ yếu nhằm mục đích trình diện con đồng (những người cầu sự bảo trì của Mẫu và Thánh, Thần) với các chư vị thần linh ở Tứ phủ vạn linh, để các ngài chứng giám và công nhận cho làm “con dân của thần thánh”. Lễ này thường bày nhiều hoa quả, tiền giấy, đồ mã và mâm sớ, sổ sách dâng Tứ phủ.

- Hầu bóng: Trước điện Mẫu, một diễn xướng mang đầy màu sắc nghệ thuật huyền bí, tâm linh, thiêng liêng bao gồm đàn, hát văn và múa. Hình thức diễn xướng trong nghi thức thờ cúng này người ta gọi là hầu bóng hay lên đồng. Mỗi khi muốn thỉnh vị Thánh, Thần, Cô, Cậu, Quan Hoàng nào trong đền, người ta hát văn về sự tích vị đó để Chư Thánh nhập vào một trong những người ngồi hầu đồng. Khi Thánh nhập vào con đồng ban phát tài, lộc cho các con cái nơi trần thế gọi là một “giá đồng”.

- Lễ hội ở đền Dâu: Lễ hội ở đền Dâu hàng năm mở vào ngày 15 tháng Giêng âm lịch. Tương truyền đó là ngày hội đặt hom dâu và cũng là ngày mừng vua Quang Trung chiến thắng khai hoàn. Lễ hội kéo dài từ Rằm tháng Giêng cho đến hết ngày 3-3 Âm lịch (ngày kỵ của mẫu Liễu). Nhân dân địa phương và nhân dân các vùng khác tham gia vào hội đền Dâu để cầu tài, cầu lộc, cầu bình an

Trước đây lễ hội có tục rước tượng và kéo chữ “Mẫu Nghi thiên hạ”, “Thiên hạ thái bình” và “Lý Nhân vi mỹ”, nhưng hiện nay tục rước tượng và kéo chữ chưa khôi phục được, chỉ còn lễ và tế nữ quan còn duy trì.

2.1.2. Đền Quán Cháo

2.1.2.1. Khái quát sự kiện, nhân vật lịch sử liên quan đến di tích đền Quán Cháo

Một số sự kiện liên quan đến di tích

Đền còn có tên chữ là Chúc Sơn Tiên Từ (với nghĩa là Đền Tiên núi Cháo), thường gọi là đền Quán Cháo. Hiện nay, di tích nằm trên địa bàn phường Tây Sơn, thị xã Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

Nhân vật được thờ tại di tích

Theo Hồ sơ di tích đền Quán Cháo (Lưu trữ tại Sở Văn hoá và Thể thao Ninh Bình), nhấn mạnh "nhân vật lịch sử chính liên quan tới di tích là Mẫu Liễu Hạnh

(Mẫu Liễu ở đây được hóa thân là bà già bán cháo hay như ở đền Dâu được hóa thân là người dạy dân trồng dâu dệt vải), bà Chúa bản đền (Quản gia bản đền) cùng Quan Hoàng Bảy; Quan Hoàng Mười...hội đồng Tứ phủ, Nhị vị Châu Bà" [10-tr3]. Nhìn chung những nhân vật được thờ trong điện hay phủ Mẫu nói chung, đền Quán Cháo nói riêng đều là những nhân vật lịch sử được thần thánh hóa, thành những mô típ nhân vật huyền thoại, giúp dân giúp nước, khuyến thiện, trừ ác trong tín ngưỡng của dân tộc Việt.

Một số sự kiện liên quan đến di tích

Tại di tích còn gắn với những sự kiện lịch sử truyền thuyết được truyền lại rằng: "Cuối năm Mậu Thân (1788), giặc Thanh vào xâm lược nước ta đã chiếm Thăng Long. Quân Tây Sơn do Đại Đô đốc Ngô Văn Sở và Ngô Thị Nhậm đồn trú ở Thăng Long đã rút lui về đóng quân ở phía bắc đèo Ba Dội (Khu vực thị xã Tam Điệp ngày nay). Đại quân ta từ Phú Xuân (Huế) do Hoàng đế Quang Trung thống lĩnh kéo ra tập kết ở Tam Điệp từ 20 tháng chạp. Đại quân nghỉ lại trong các thung lũng ở phía Bắc đèo Tam Điệp, dọc đường Thiên Lý Cổ.

Đêm ấy, vua Quang Trung đang mơ màng thì bỗng thấy hương lạ sức nước bay đầy không gian. Một thiếu nữ mặt đẹp như ngọc, mắt phượng, mày ngài, môi tựa cánh sen, mặc áo lụa trắng, chân đi hài phượng, đầu cài châm ngọc lỏng lánh, đến cúi chào Hoàng đế.

Vua Quang Trung vô cùng sửng sốt hỏi:

- Nàng là ai?

Thiếu nữ mỉm cười và khẽ nói như vừa chỉ đủ cho nhà vua nghe thấy, nhưng rất thánh thót:

- Mới gặp hôm qua mà nay Vương không nhận được ra ta sao? Thần thiếp là Đệ Nhị Tiên Chủ Quỳnh Hoa, giáng sinh Vân Cát, được phong là Liễu Hạnh Công Chúa, được thượng đế gia ân cai quản cửa rừng này hơn hai trăm năm nay rồi. Nay thấy Hoàng đế cất binh đuổi giặc xâm lăng, có chút lòng thành dâng đón ba quân, tướng sỹ là mâm cháo ở quán hàng nước bên núi vệ đường. Sáng mai Hoàng đế hãy cho quân tới điểm tâm để thêm sinh khí vào trận mạc.

Vua Quang Trung chưa kịp hỏi gì thêm thì Tiên Nữ đã rời gót ngọc. Cánh phượng nghiêng xuống đón tiên nữ bay đi. Hương lạ vẫn phảng phất.

Sáng sớm hôm sau y lời Tiên Nữ, Vua Quang Trung cho quân sỹ đến hàng nước bên đường để ăn cháo. Kỳ lạ thay một nồi cháo nhỏ, ba quân múc hết lại đầy. Dáng vóc mẹ già chủ quán thắng như dáng tiên nữ đêm qua nhà vua đã gặp ở Tang Giã Linh Từ (đền Dâu). Vua Quang Trung và ba quân tướng sỹ vô cùng kính phục, biết mẹ không phải người trần. Nhà vua thi lễ mẹ già và hẹn ngày chiến thắng sẽ báo đền công ơn Phiêu Mẫu.

Ba quân ăn cháo xong bừng bừng, rạo rức như vừa uống thuốc tiên, quân ngũ chinh tề nhằm hướng Thăng Long tiến tới.

Bóng mẹ già phất phơ đứng trên đỉnh núi vậy chào đoàn quân xuất trận. Một vầng hào quang tỏa ra nơi mẹ đứng.

Hai mươi chín vạn quân Thanh xâm lược bị quét khỏi Thăng Long. Vua Quang Trung cùng tướng lĩnh về báo đáp ơn Mẹ già. Nhà vua về đến nơi thì không thấy quán hàng đâu nữa. Vua Quang Trung cho đặt tên nơi này là Chúc Sơn (nghĩa là Núi Cháo) ban tiền và vàng bạc cho nhân dân làng Lý Nhân đứng ra quyên cúng lập bàn thờ Mẹ và ban bốn chữ "Chúc Sơn Tiên Từ" (đền Tiên Núi Cháo). Nhà vua ban cho câu đối ở đền để ghi nhớ công ơn phù trì đánh giặc của Mẫu, nay đôi câu đối vẫn còn khắc ở cột đền. Dân gian còn truyền tụng về sự tích này và đến nay vẫn gọi là đền Quán Cháo, còn quả đồi nơi Tiên Nữ yết kiến vua Quang Trung đêm ấy gọi là đồi Hài Vua/ Châu Vua, cách Quán Cháo chừng hơn 300m." (10-tr7,8].

Như vậy, cùng với di tích đền Dâu và một số di tích lịch sử - văn hoá khác, di tích đền Quán Cháo gắn liền với sự kiện vua Quang Trung đại phá quân Thanh năm 1789.

2.1.2.2. Khái quát về kiến trúc di tích đền Quán Cháo

Đền Quán Cháo hiện nay được xây dựng theo kiến trúc theo lối chữ "nhị" (=) và hậu cung hình chuôi vồ. Trên mái trước đền là hình lưỡng long châu nguyệt và đắp nổi 4 chữ "Chúc Sơn Tiên Từ" (đền Tiên Núi Cháo). Cửa đền có đôi câu đối ca ngợi công đức Mẫu với việc vua Quang Trung giải phóng Thăng Long:

Đại Việt triều bao điển vạn cổ thanh linh

Thăng Long quảng chiến công nhất tràng oanh liệt

Tạm dịch:

(Nước Đại Việt bao điển tích ở đây vạn đời nổi tiếng

Thăng Long thắng lớn có công oanh liệt (của mẹ)

Và:

Tiền quân nhất trúc ân lai sứ

Thắng trận thiên binh đáo thị hùng

(Tiền quân một bát cháo ghi ơn mãi mãi/Thắng trận ngàn quân đánh hùng dũng)

Qua bậc tam cấp là cung đệ tam. Cung đệ tam thờ công đồng Tứ Phủ, trên điện thờ có bức đại tự sơn son thếp vàng "Chúc Sơn Tiên Từ" và đôi câu đối ca ngợi công đức Mẫu Liễu "Thánh Mẫu anh linh tương bao quốc, Thần tiên hách tạc phúc lưu dân".

Cung đệ nhị, phía trên cung này có treo bức đại tự "Tối Linh Từ" (đền rất thiêng). Ở giữa có ban thờ đặt tượng Chúa bản đền. Cung này có 4 cột đá xanh nguyên khối, chạm trổ rồng mây và khắc nổi đôi câu đối chữ Hán. Mỗi cột cao 430 cm đường kính 35cm. Bên phải ban thờ chúa bản đền có ban thờ quan Hoàng Bảy. Bên trái là ban thờ quan Hoàng Mười.

Cung đệ nhất (cung cấm) vị trí trung tâm có ban thờ và tượng Liễu Hạnh Công Chúa đặt trong khám sơn son thếp vàng. Pho tượng bằng gỗ được tạc vào thời nhà Nguyễn. Bên trái có ban thờ Nhị vị Châu Bà.

Pho tượng Thánh Mẫu Liễu Hạnh ở đền Quán Cháo được tạo tạc theo thể tọa thiền, hai chân xếp tròn, tay phải để trên đùi phải hơi giơ lên và chụm các ngón quay vào lòng, bàn tay trái úp hờ trên đùi trái, đầu đội mũ miện, mặc áo cà sa, quần thâm thêu cải hoa trắng, cổ đeo nhiều nhiều dây tràng ngọc bích, mang biểu tượng của tràng hạt, mắt phượng, mày ngài nhưng gương mặt chất phác. Rõ ràng, nghệ nhân dân gian đã kỳ công tạo tác một hình tượng phụ nữ dáng chân quê, một bà bán quán hàng phúc hậu bên đường như huyền thoại lưu truyền, mang y phục và dáng ngồi tọa thiền để khắc họa biểu tượng nhắc lại tích Tiên chúa cải theo Phật Bà.

Quay lại, phía trước sân đền còn tấm bia ghi lại năm tháng trùng tu đền vào năm Tự Đức thứ 7 (1854). Bia đá cao 1m, rộng 0,7m, dày 0,19m, do Tuần phủ Ninh Bình Tôn Thất Tĩnh cho tạc. Đền được bao quanh bởi tường hoa. Trước sân đền có đắp cảnh núi Ngũ Hành Sơn.

2.1.2.3. Các hình thức sinh hoạt văn hóa, lễ hội tại di tích đền Quán Cháo

Cũng như nhiều phủ, điện Mẫu khác, đền Quán Cháo có những nghi thức thờ cúng cơ bản như hầu bóng, tôn lô nhang và trình đồng để cầu mong đức Thánh Mẫu và các vị thần thánh ban phúc, lộc, thọ và an khang cho trăm họ. Ở những nghi thức này, đạo Mẫu nói chung và đền thờ Mẫu ở đền Quán Cháo nói riêng đã khẳng định tính đặc thù mang màu sắc riêng biệt của mình.

- *Lễ tôn nhang*: Có người gọi là lễ tôn lô nhang hay lễ đội bát nhang. Đây là nghi thức tôn bát nhang, bốc bát nhang hay đặt bát nhang thờ những vị Thần, Thánh là quân gia thị thần của Mẫu nhằm được sự phù hộ độ trì của Mẫu và Thánh Thần.

- *Lễ trình đồng*: Nghi thức này chủ yếu nhằm mục đích trình diện con đồng (những người cầu sự bảo trì của Mẫu và Thánh, Thần) với các chư vị thần linh ở Tứ phủ vạn linh, để các ngài chứng giám và công nhận cho làm “con dân của thần thánh”. Lễ này thường bày nhiều hoa quả, tiền giấy, đồ mã và mâm sớ, sổ sách dâng Tứ phủ.

- *Hầu bóng*: Trước điện Mẫu, một diễn xướng mang đầy màu sắc nghệ thuật huyền bí, tâm linh, thiêng liêng bao gồm đàn, hát văn và múa. Hình thức diễn xướng trong nghi thức thờ cúng này người ta gọi là hầu bóng hay lên đồng. Mỗi khi muốn thỉnh vị Thánh, Thần, Cô, Cậu, Quan Hoàng nào trong đền, người ta hát văn về sự tích vị đó để Chư Thánh nhập vào một trong những người ngồi hầu đồng. Khi Thánh nhập vào con đồng ban phát tài, lộc cho các con cái nơi trần thế gọi là một “giá đồng”.

- *Lễ hội ở đền Quán Cháo*:

Lễ hội ở đền Quán Cháo hàng năm mở vào 15 tháng Giêng, trùng vào lễ hội tại đền Dâu. Lễ hội kéo dài từ Rằm tháng Giêng cho đến hết ngày 3-3 Âm lịch

(ngày kỵ của mẫu Liễu). Tuy nhiên, khi người ta vào dự lễ hội đền Dâu bao giờ cũng qua lễ hội đền Quán Cháo, gọi là lễ trình. Ca dao cổ ở địa phương có câu:

Một thôi đi đến chợ Ghềnh

Lễ Tiên Quán Cháo mới trình chúa Dâu

Trước ngày mở hội đền Dâu, người ta tế lễ ở đền Quán Cháo trước, rồi rước ngai cùng tượng Thánh Mẫu về đền Dâu. Các con nhang, đệ tử và dân thập phương hàng năm vào hội đền Quán Cháo, đền Dâu cầu tài, cầu lộc, cầu bình an xong mới ra hội Phủ Giày (vào ngày 3-3 Âm lịch). Vì vậy hội rất đông.

Trước đây lễ hội có tục rước tượng và kéo chữ “ Mẫu Nghi thiên hạ”, “Thiên hạ thái bình” và “Lý Nhân vi mỹ”, nhưng hiện nay tục rước tượng và kéo chữ chưa khôi phục được, chỉ còn lễ và tế nữ quan còn duy trì.

2.2. Thực trạng bảo tồn và phát huy giá trị của di tích lịch sử - văn hóa gắn với sự kiện Quang Trung đại phá quân Thanh năm 1789

Những năm qua, công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hoá nói chung, di tích lịch sử - văn hoá nói riêng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình đã trở thành nhiệm vụ quan trọng, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Các di tích không chỉ đáp ứng nhu cầu giáo dục truyền thống cho Nhân dân mà còn là điểm đến độc đáo, phục vụ khách du lịch trong, ngoài tỉnh.

Ở góc độ quản lý, các cấp quản lý từ Trung ương đến địa phương đã ban hành, bổ sung, hoàn thiện các văn bản luật, các văn bản hướng dẫn việc thực hiện việc quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản.

Theo nghị định số 32/2009/QH12 tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật di sản văn hóa của Quốc hội khóa XII, kỳ họp thứ 5 đã ban hành một số điều khoản có nội dung liên quan đến các di tích lịch sử văn hóa.

Áp dụng quyết định số 34/2015/QĐ – UBND ngày 14/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc ban hành Quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh đã xếp hạng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình...

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XXII và Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp, nhiệm kỳ 2020- 2025 đã xác định, tập trung bảo tồn, phát huy di sản bền

vững, tạo nguồn lực để phát triển kinh tế- xã hội. Tại các địa phương, việc bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa đã được quan tâm thực hiện và tuyên truyền đến mỗi người dân trong cộng đồng về ý nghĩa lịch sử, văn hóa để cộng đồng dân cư nâng cao ý thức giữ gìn, tu bổ, tôn tạo.

Tuy nhiên, trong công tác quản lý đền Dâu và đền Quán Cháo gặp nhiều khó khăn do tranh chấp việc quản lý. Hiện trạng này đang từng bước được tháo gỡ.

Trong công tác bảo tồn, trùng tu, tôn tạo: Trên tấm bia đá trước sân đền Quán Cháo ghi lại ngày tháng trùng tu đền vào năm Tự Đức thứ 7 (1854). Trong chiến tranh chống thực dân Pháp đền bị phá hoại nhiều và sau này đền còn phải dịch chuyển đến vị trí hiện tại do mở rộng và nắn thẳng đường quốc lộ số 1. Đến năm 2004 đền Quán Cháo được tu sửa, tạo ra không gian kiến trúc như hiện tại. Từ xưa đến nay di tích đền Quán Cháo luôn được các cụ cao tuổi thôn Lý Nhân, nhân dân địa phương cùng các con nhang đệ tử ở mọi miền tổ quốc tôn tạo, đền nhang nên di tích luôn được giữ khang trang, sạch đẹp. Tuy nhiên, do di tích gần đường quốc lộ, vào dịp lễ hội du khách thập phương đến rất đông, tại di tích cần có khu dịch vụ và bãi đỗ xe riêng để đảm bảo về mặt mỹ quan và an toàn giao thông, phục vụ tốt hơn cho du khách gần xa cũng như nhân dân địa phương đến đền sinh hoạt tín ngưỡng thờ Mẫu. Hơn nữa, khuôn viên bên ngoài đền Quán Cháo lợp kín mái che làm mất không gian cảnh quan bên ngoài.

Trong công tác giáo dục di sản: Nhằm khơi dậy lòng tự hào về giá trị của di sản văn hoá địa phương, các trường học trên địa bàn tỉnh nói chung, các trường học có các di sản văn hoá tồn tại ngay chính tại nơi trường đóng (như phường Nam Sơn, phường Tây Sơn..... thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình) đã tích hợp nội dung giáo dục di sản vào giảng dạy trong các môn học như Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân, Ngữ văn. Với chương trình giáo dục phổ thông 2018, nội dung giáo dục địa phương là một nội dung bắt buộc từ lớp 1 đến lớp 12 nhằm trang bị cho học sinh những hiểu biết cơ bản về văn hóa, lịch sử truyền thống, các vấn đề về địa lí, kinh tế, hướng nghiệp, chính trị, xã hội, môi trường của tỉnh Ninh Bình. Thông qua đó bồi dưỡng cho học sinh tình yêu quê hương, đất nước, tìm hiểu và vận dụng những điều đã học để góp phần bảo tồn những giá trị lịch

sử - văn hóa của địa phương. Chủ đề lịch sử trong nội dung giáo dục địa phương tỉnh Ninh Bình ở cấp THCS đề cập đến các di tích lịch sử - văn hoá lên quan đến các sự kiện lớn của lịch sử dân tộc, trong đó có sự kiện Ninh Bình trong cuộc kháng chiến chống quân Thanh 1789. Di tích đền Dâu và đền Quán Cháo là 2 di tích tiêu biểu được đưa vào tài liệu giáo dục chung của toàn tỉnh. Bên cạnh việc giáo dục di sản theo chương trình chính khoá, các nhà trường còn xây dựng kế hoạch và tổ chức dạy học di sản thông qua các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao có chủ đề liên quan đến di sản có tính chất điển hình và hướng dẫn học sinh tự tìm hiểu, khai thác các nội dung khác của di sản văn hóa thông qua tư liệu, hiện vật. Tổ chức chăm sóc di tích, các hoạt động giáo dục tại di tích. Trong các dịp lễ hội, số lượng người tham gia đông đảo, thông qua các hoạt động của lễ hội đã góp phần không nhỏ trong việc quảng bá hình ảnh, giá trị của hai di sản văn hoá trên....

Bên cạnh kết quả đạt được, việc bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hoá trên địa bàn tỉnh vẫn còn những điểm tồn tại do nhận thức của một bộ phận người dân về vai trò, ý nghĩa của di sản văn hóa chưa cao, dẫn đến ý thức bảo vệ di tích chưa tốt. Đặc biệt là tình trạng lấn chiếm đất để buôn bán kinh doanh trước cửa đền vào mỗi mùa lễ hội, trèo kéo khách mua bán làm mất vẻ đẹp và thanh tịnh nơi đền chùa. Một số người còn thờ ơ, không quan tâm tới di giá trị của di tích lịch sử - văn hoá, họ chỉ đến đền với đề cầu may mà có thể chưa biết đến những sự kiện hay nhân vật lịch sử có gắn với những ngôi đền mà mình đến hành lễ hay chiêm bái.

Mặc dù công tác tuyên truyền được thực hiện thường xuyên nhưng đôi khi chưa được triển khai hiệu quả. Đối với cán bộ, công chức làm công tác quản lý di sản văn hóa ở cấp phường, cấp cơ sở, người trông coi di tích... vẫn chưa được đào tạo chuyên sâu. Hoạt động tổ chức tuyên truyền, giới thiệu tại di tích còn chưa khoa học, bài bản, chưa có sự kết hợp chặt chẽ giữa các ngành, các cấp trong tổ chức khai thác du lịch và dịch vụ tại di tích.

Nguồn nhân lực góp phần vào bảo vệ, phát huy giá trị di tích không cố định, chỉ huy động mỗi khi có kỳ lễ, gồm có đoàn thanh niên, lực lượng vũ trang,

các tổ nhân sự của phường, đội bảo vệ được bổ sung vào công tác phục vụ khi lễ được tổ chức. Năng lực tham mưu công tác của đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa cơ sở trình độ chuyên môn nghiệp vụ chưa đáp ứng được với nhu cầu thực tế của công việc, khả năng vận động quần chúng tham gia vào các hoạt động bảo tồn, phát huy di sản văn hóa còn thụ động dẫn đến hiệu quả công tác chưa cao.

2.3. Một số giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa gắn với sự kiện Quang Trung đại phá quân Thanh 1789

2.3.1. Định hướng của Đảng, Nhà nước và tỉnh Ninh Bình

Theo nghị định số 32/2009/QH12 tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật di sản văn hóa của Quốc hội khóa XII, kỳ họp thứ 5 đã ban hành một số điều khoản có nội liên quan đến các di tích lịch sử văn hóa. Trong đó nhấn mạnh: Nhà nước bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể thông qua các biện pháp như tổ chức nghiên cứu, sưu tầm, kiểm kê, phân loại di sản văn hóa phi vật thể; Tổ chức truyền dạy, phổ biến, xuất bản, trình diễn và phục dựng các loại hình di sản văn hóa phi vật thể; Khuyến khích và tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân nghiên cứu, sưu tầm, lưu giữ, truyền dạy và giới thiệu di sản văn hóa phi vật thể; Hướng dẫn nghiệp vụ bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân nắm giữ di sản văn hóa phi vật thể; Đầu tư kinh phí cho hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể, ngăn ngừa nguy cơ làm mai một, thất truyền di sản văn hóa phi vật thể.”

Để nâng cao hiệu việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá, theo Nghị định số 98/2010/NĐ-CP, đã quy định chỉ rõ Chính sách của Nhà nước về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XXII và Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp, nhiệm kỳ 2020- 2025 đã xác định, tập trung bảo tồn, phát huy di sản bền vững, tạo nguồn lực để phát triển kinh tế- xã hội. Tại các địa phương, việc bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa đã được quan tâm thực hiện và tuyên truyền đến mỗi người dân trong cộng đồng về ý nghĩa lịch sử, văn hóa để cộng đồng dân cư nâng cao ý thức giữ gìn, tu bổ, tôn tạo.

2.3.2. Tăng cường quản lý Nhà nước đối với di tích

Các hoạt động quản lý, nghiên cứu, bảo vệ, khai thác và phát huy giá trị các di tích trên địa bàn tỉnh Ninh Bình phải tuân thủ Luật Di sản văn hóa, các quy định của pháp luật có liên quan và những quy định tại Quy chế này. Di tích phải được bảo vệ nguyên trạng, không tự ý đưa thêm, di dời, thay đổi hiện vật trong di tích. Không được làm thay đổi môi trường cảnh quan di tích. Chỉ thực hiện các hoạt động bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép. Không lợi dụng việc bảo vệ và phát huy giá trị di tích để trục lợi, hoạt động mê tín dị đoan hoặc các hành vi trái pháp luật khác. Hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng tại di tích phải tuân thủ quy định pháp luật về tôn giáo và tín ngưỡng. Các di tích đã xếp hạng phải thành lập Ban quản lý di tích.

Để có thể thực hiện tốt chức năng quản lý bảo vệ tài sản chung của di tích thì cần có ban quản lý những người đặc biệt có trách nhiệm và được huấn luyện chuyên nghiệp có tư tưởng trong sáng. Đối với các di sản thế giới và di tích cấp quốc gia đặc biệt UBND tỉnh là cơ quan trực tiếp quyết định mô hình tổ chức quản lý và quy định chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm trong việc sát xáo thường xuyên kiểm tra để nắm bắt kịp thời các vấn đề. Còn đối với các di tích xếp hạng cấp quốc gia và cấp tỉnh: Mỗi di tích thành lập một Ban quản lý di tích, thành phần gồm: Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã làm Trưởng ban; Cán bộ công chức văn hóa và đại diện tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc được giao trực tiếp quản lý tại di tích (*nếu có*) làm Phó trưởng ban; Số lượng và thành phần các thành viên khác do Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét quyết định dựa trên quy mô, tính chất của di tích. Trường hợp di tích nằm trên nhiều đơn vị hành chính cấp xã hoặc có tính chất, đặc điểm đặc biệt về lịch sử hình thành, Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ vào giá trị, quy mô, tính chất của di tích trên địa bàn xây dựng mô hình tổ chức quản lý di tích phù hợp.

Việc tăng cường quản lý Nhà nước đối với di tích đền Dâu và đền Quán Cháo là một nhiệm vụ quan trọng nhà bảo tồn và phát huy giá trị của di tích.

Từ năm 2023 trở về trước, công tác quản lý hoạt động, việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng tiền công đức, tài trợ do Tổ dân phố Lý Nhân (phường Yên Bình) vẫn

còn những bất cập, chưa đảm bảo theo quy định. Từ tháng 1/2024, UBND thành phố Tam Điệp đã ban hành quyết định thành lập Ban quản lý đền Dâu, đền Quán Cháo theo mô hình mới, đảm bảo quy định của pháp luật và phù hợp với thực tiễn của địa phương, với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị từ thành phố đến cơ sở; được cử tri và Nhân dân thành phố đánh giá cao, nhất là nhận được sự đồng thuận, ủng hộ cao của đa số cán bộ, đảng viên và Nhân dân phường Yên Bình. Đến nay, các hoạt động quản lý di tích đền Dâu, đền Quán Cháo đã bước đầu thực hiện theo quy chế hoạt động của Ban quản lý di tích và nhận được sự đồng thuận của cán bộ và Nhân dân thành phố. Tuy nhiên, việc quản lý di tích lịch sử-văn hóa đền Dâu, đền Quán Cháo còn một số tồn tại, hạn chế như: Việc triển khai một số nội dung quản lý di tích chưa có sự phối hợp, hợp tác của Tổ trực đền, không theo sự chỉ đạo của Ban quản lý và UBND thành phố. Chưa ban hành được quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế trực đền, quy chế hoạt động của Tổ bảo vệ. Nguồn thu từ các khoản tài trợ, công đức, dầu nhang chưa được quản lý tập trung theo quy định tại Thông tư số 04/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính...

2.3.3. Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục di sản với công tác bảo tồn và phát huy giá trị của di tích lịch sử - văn hoá

Thứ nhất, tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan về quản lý di sản với ngành giáo dục trong công tác giáo dục truyền thống cho học sinh thông qua di sản văn hóa hướng tới mục tiêu chung nâng cao hiệu quả công tác giáo dục truyền thống yêu nước, tinh thần dũng cảm kiên cường đấu tranh bảo vệ Tổ quốc, ý thức giữ gìn, tôn vinh bản sắc văn hoá dân tộc cho thế hệ trẻ. Nhiệm vụ giáo dục trước hết bắt đầu từ các trường học, các cơ sở đào tạo. Tuy nhiên, việc đưa di sản vào trong trường học cũng gặp khó khăn nhất định, nhất là trong việc lựa chọn di sản để tích hợp vào bài học và thời gian để tổ chức các hoạt động ngoại khóa... Cần có sự gắn kết giữa các di tích với nhà trường xây dựng những chương trình giáo dục di sản hấp dẫn, đủ để lại những bài học ấn tượng sâu sắc cho khối kiến thức mà các học sinh tiếp thu trên giảng đường. Bên cạnh đó, việc khai thác và sử dụng tài liệu về di sản để tiến hành giảng dạy cũng cần sự hợp lý, nhuần nhuyễn. Cụ thể, giáo viên phải tiến hành chọn lọc kỹ và xác minh tính chân thực của các tài liệu về di sản. Hiện nay, nguồn tư liệu liên quan đến di tích đền Dâu và đền Quán Cháo còn hạn chế, đồng thời trong quá trình tìm kiếm tài liệu thông tin lại chưa có sự thống nhất

đã gây khó khăn cho giáo viên trong việc xây dựng nội dung bài giảng. Chính vì vậy cần có sự hỗ trợ của Sở Văn hoá - Thể thao Ninh Bình trong công tác cập nhật nội dung các kiến thức về các di tích địa phương trong đó có di tích đền Dâu và đền Quán Cháo.

Thứ hai, tăng cường sự tham gia của người học trong các tiết học, hoạt động giáo dục về giá trị di sản. Chương trình giáo dục di sản đã chứng tỏ hiệu quả trong công tác giáo dục, nâng cao ý thức giữ gìn truyền thống, lịch sử cho học sinh. Bước đầu, ở nhiều trường học, học sinh rất phấn khởi và nhiệt tình tham gia vào các hoạt động trên lớp và trải nghiệm ngoài lớp học. Tuy nhiên, việc đưa di sản vào dạy học và tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho học sinh cũng còn khá nhiều tồn tại. Tổ chức tham quan, học tập trải nghiệm tại di sản vẫn chỉ mang tính hình thức. Giáo dục di sản cần lấy ý kiến từ phía giáo viên, sau quá trình giảng dạy đánh giá hiệu quả của các phương pháp giáo dục. Lựa chọn các hình thức giảng dạy tạo cho học sinh có cơ hội tham gia nhiều hơn vào nội dung bài học như dạy học thông qua hoạt động thực tế, tổ chức các cuộc thi vẽ tranh, thuyết minh về di tích,... Trong những cách thức này, giáo viên chỉ đóng vai trò là người hướng dẫn, điều phối hoạt động học và học sinh trở thành người chiếm lĩnh tri thức một cách chủ động. Với các hình thức này, người học không chỉ được cung cấp những kiến thức về di sản mà còn hình thành được những kỹ năng mềm như kỹ năng xác định vấn đề, kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng xử lý tình huống.

Thứ ba, để tránh tình trạng nặng nề, quá tải cho học sinh, việc giáo dục di sản cần đa dạng trong hình thức tổ chức dạy và học. Tùy điều kiện của từng địa phương và đặc thù của từng bậc học, cấp học mà mỗi trường có một cách tổ chức phù hợp. Tùy hoàn cảnh và đối tượng mà khuyến khích các hình thức giáo dục di sản khác nhau. Phương thức tổ chức dạy học các nội dung di sản văn hóa trong trường học bao gồm lồng ghép nội dung dạy học di sản văn hóa vào các môn học, xây dựng kế hoạch và tổ chức dạy học, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao có chủ đề liên quan đến di sản có tính chất điển hình và hướng dẫn học sinh tự tìm hiểu, khai thác các nội dung khác của di sản văn hóa thông qua tư liệu, hiện vật. Đối với các trường học trong khu vực có di tích đền Dâu và đền Quán Cháo có thể tổ chức cho học sinh chăm sóc di tích, tổ chức các hoạt động giáo dục tại di tích.

Thứ tư, phát huy vai trò của công tác quản lý di tích, các hướng dẫn viên, thuyết minh viên tại các khu du lịch nơi có di tích. Chính họ, là những người có hiểu biết sâu sắc nhất về di tích. Họ không những phải nghiên cứu di sản để tìm ra khía cạnh phù hợp với

trải nghiệm của từng lứa tuổi học sinh/sinh viên mà còn phải luôn trau dồi và tự làm mới cách truyền đạt, giới thiệu, làm mới chính những câu chuyện kể để dẫn dắt, gợi cảm hứng tìm hiểu cho học sinh/sinh viên. Các Ban quản lý di sản cần tạo điều kiện để viên chức trực tiếp làm công tác thuyết minh tại các bảo tàng, di tích có cơ hội giao lưu, tăng cường sự phối hợp, học hỏi, trao đổi kinh nghiệm trong khi thực hiện nhiệm vụ, đổi mới, nâng cao tính hấp dẫn và chất lượng phục vụ khách tham quan, tăng cường sự phối hợp giữa ngành Văn hóa, ngành Du lịch và ngành Giáo dục và đào tạo trong công tác giáo dục truyền thống cho học sinh, sinh viên thông qua di sản văn hóa.

Thứ năm, xây dựng bộ tài liệu tuyên truyền về giá trị các di tích tới cộng đồng địa phương nơi có di tích và khách du lịch. Việc giáo dục di sản cho đối tượng học sinh đã được triển khai bắt buộc trong chương trình giảng dạy các lớp từ 1 đến 12, tuy nhiên tài liệu giới thiệu di tích lịch sử, những cuốn cẩm nang dành cho đối tượng là cộng đồng, khách du lịch còn rất hạn chế. Hoạt động tuyên truyền về giá trị di sản trong cộng đồng chưa diễn ra rộng khắp và chưa tới đông đảo các tầng lớp nhân dân địa phương. Tích hợp nội dung quảng bá tài nguyên du lịch văn hóa, lịch sử địa phương cho cán bộ, đảng viên và nhân dân.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 2

Các di tích lịch sử tại phòng tuyến Tam Điệp gắn liền với sự kiện Quang Trung đại phá quân Thanh năm 1789 chứa đựng những giá trị lịch sử sâu sắc, phản ánh thăng trầm của một giai đoạn lịch sử, đồng thời cũng phản ánh tinh thần chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta. Các giá trị còn chứa đựng những giá trị cộng đồng, thể hiện sự đoàn kết gắn bó sâu sắc của người dân nơi đây trong việc bảo tồn và phát huy những giá trị lịch sử văn hoá này. Khu di tích còn chứa đựng những giá trị tâm linh sâu sắc, thể hiện đậm nét những ảnh hưởng của yếu tố dân gian trong đời sống con người.

Khu di tích lịch sử phòng tuyến Tam điệp có vị trí địa lý thuận lợi để phát triển cả về du lịch nhân văn và kinh tế xã hội. Với những giá trị to lớn đã góp phần quan trọng hình thành nên di tích hết sức khang trang, các phong tục tập quán, lễ hội độc đáo thể hiện đậm nét bản sắc dân tộc nói chung và tỉnh Ninh Bình nói riêng. Vì vậy cần phải đưa ra các biện pháp bảo tồn và phát huy những giá trị của di tích lịch sử văn hoá gắn với sự kiện Quang Trung đại phá quân Thanh năm 1789 để các di tích còn sống mãi với thời gian, không bị mai một đi các giá trị truyền thống vốn có của nó.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Di tích không chỉ mang giá trị nghệ thuật, kiến trúc mà còn thể hiện những giá trị lịch sử, văn hóa, tâm linh của nhân dân, góp phần gìn giữ di sản và bản sắc văn hóa của một dân tộc. Qua đó, ta có thể thấy DSVH là sản phẩm tinh thần, vật chất có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học, được lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác. Giá trị của các di tích ở Tam Điệp, thuộc các di tích tích Đền Dâu, Quán Cháo gắn với sự kiện Quang Trung đại phá quân Thanh 1789. Trên cơ sở, về thực trạng bảo tồn và phát huy giá trị lịch sử văn hóa của hai đền này trong đề tài nói riêng và các di tích lịch sử - văn hóa nói chung ở Ninh Bình.

Qua đề tài nghiên cứu khoa học “ Một số di tích lịch sử văn hoá tiêu biểu ở thành phố Tam điệp, tỉnh Ninh Bình gắn với sự kiện Quang Trung đại phá quân Thanh năm 1789” cho ta hiểu hơn về lịch sử dân tộc, những chiến thắng lừng lẫy rạng danh non sông, những vị anh hùng kiên cường bất khuất sống mãi trong lịch sử nước nhà. Những di tích gắn liền với sự kiện đó vừa mang ý nghĩa tâm linh, vừa thể hiện đạo lí Uống nước nhớ nguồn của nhân dân Việt Nam, ghi nhớ công lao của các vị anh hùng thời xưa. Thông qua các di tích lịch sử tại phòng tuyến Tam điệp, ta không chỉ thấy những giá trị lịch sử văn hoá, tâm linh mà còn thấy những giá trị độc đáo về kiến trúc, điêu khắc chạm trổ độc đáo của các công trình nhưng đền Dâu, đền Quán cháo.... Bên cạnh việc tìm hiểu về giá trị của các di tích, ta còn tìm hiểu về thực trạng mà đưa ra các giải pháp nhằm bảo tồn và phát huy những giá trị của các di tích đó. Làm thế nào để đưa thành phố Tam điệp nói riêng và tỉnh Ninh Bình nói chung phát triển hơn nữa.

Đồng thời đưa ra các phương án mang tính bền vững, quảng bá với khách du lịch về các giá trị của di tích lịch sử văn hoá cũng như công lao của những vị anh hùng có thật trong lịch sử Việt Nam. Trên cơ sở đó đề tài đã đề xuất một số giải pháp về tăng cường quản lý nhà nước, đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục di sản với công tác bảo tồn và phát huy giá trị của di tích lịch sử - văn hóa. Qua đó cũng nhằm phát huy giá trị di tích và nâng cao tinh thần quản lí từ các cấp Nhà nước tới địa phương, nêu tinh thần học hỏi, giáo dục di tích....

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Tiếng Việt

1. Trịnh Thị Minh Đức (Cb) (2007), "Bảo tồn di tích lịch sử văn hóa", Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, HN.
2. Lê Đăng Bật (2007), Di tích – Danh thắng Ninh Bình”, Nxb Văn hoá Hà Nội, HN.
3. Trịnh Thị Bích (2014), Tìm hiểu một số di tích lịch sử chưa được xếp hạng tại xã Trường Yên (Hoa Lư - Ninh Bình), Khóa luận tốt nghiệp đại học.
4. Phan Khanh (1992), Bảo tàng - Di tích - Lễ hội, NXB Thông tin, Hà Nội.
5. Nguyễn Minh Ngọc (Cb) (2009), Bài giảng hệ thống di tích lịch sử văn hóa và danh thắng Việt Nam, Nxb Lao động, HN.
6. Hoàng Phê (Cb) (2003), Từ điển tiếng Việt, Nxb Đà Nẵng.
7. Trương Hữu Quýnh, Đinh Xuân Lâm, Lê Mậu Hãn (2015), Đại cương lịch sử Việt Nam, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hn.
8. Dương Văn Sáu (2017), Di tích lịch sử - văn hoá và danh thắng Việt Nam, NXB Lao động, HN.
9. Sở Văn hóa - Thông tin tỉnh Ninh Bình, Ban Quản lý di tích và danh thắng (2008), Hồ sơ di tích đền Dâu (Nam Sơn - Tam Điệp).
10. Sở Văn hóa - Thông tin tỉnh Ninh Bình, Ban Quản lý di tích và danh thắng (2008), Hồ sơ di tích đền Quán Cháo (Tây Sơn - Tam Điệp).
11. Hà Văn Tấn, Bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa văn hoá trong bối cảnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, Tạp chí Di sản văn hóa, số 2, quý I/2003.
12. Tỉnh ủy Ninh Bình - Viện khoa học xã hội (2010), Địa chí Ninh Bình”, Nxb Chính trị Quốc gia Hà Nội, HN.
13. Đỗ Thị Phương Thúy (2014), "Thực trạng và giải pháp bảo tồn một số di tích lịch sử - văn hóa chùa và động trên địa bàn huyện Hoa Lư - tỉnh Ninh Bình", Khóa luận tốt nghiệp đại học.
14. Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình, Quyết định số 392/QĐ-UBND ban hành ngày 05-6-2020 về việc phê duyệt, công bố danh mục kiểm kê di tích trên địa bàn tỉnh Ninh Bình đến năm 2020.
15. Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình - Sở Giáo dục và đào tạo (2022), Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Ninh Bình lớp 8, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
16. Văn bản hợp nhất Luật Di sản văn hoá năm 2001 và Luật Di sản văn hoá sửa đổi bổ sung năm 2009 (số 10/VBHN-VPQH, ngày 23-7-2013).

17. Nguyễn Văn Trò (Cb) (2005), “ Ninh Bình theo dòng lịch sử văn hóa”, Nxb Văn hóa dân tộc.
18. Nguyễn Văn Trò (Cb) (2021), “ Di tích - Danh thắng Ninh Bình”, Nxb Thế giới, HN.
19. Đặng Thị Thảo (2016), Tìm hiểu một số di tích thờ Thái úy Tô Hiến Thành ở Gia Tân (Gia Viễn, Ninh Bình), Khoá luận tốt nghiệp đại học.
20. Trương Đình Tường (Cb) (2012), *Địa chí văn hóa dân gian Ninh Bình*, Nxb Thời Đại, HN.
21. Nguyễn Thị Xuyên (2017), Quản lý di tích lịch sử khu lăng mộ và đền thờ các vị vua triều Lý, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, Luận văn Thạc sĩ.

II. Website

22. Nghị định 98/2010/NĐ-CP hướng dẫn Luật di sản văn hóa:
<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Nghi-dinh-98-2010-ND-CP-huong-dan-Luat-di-san-van-hoa-111991.aspx> (truy cập ngày 9 tháng 10 năm 2024).
23. Tổng quan về thành phố Tam Điệp
<https://tamdiep.ninhbinh.gov.vn/vi/gioi-thieu/tong-quan-ve-thanh-pho-tam-diep> (truy cập ngày 6 tháng 7 năm 2024).
24. Thành phố Tam Điệp: Vùng kinh tế trọng điểm phát triển theo hướng toàn diện, bền vững xem tại
<https://vccinews.vn/prode/54960/thanh-pho-tam-diep-vung-kinh-te-trong-diem-phat-trien-theo-huong-toan-dien-ben-vung.html> (truy cập ngày 2 tháng 10 năm 2023).
25. Thừa Thiên Huế tiếp tục làm tốt công tác bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa
<https://baocaovien.vn/thua-thien-hue-tiep-tuc-lam-tot-cong-tac-bao-ton-phat-huy-cac-gia-tri-van-hoa/4059.html> (truy cập ngày 23 tháng 9 năm 2024).
26. Trục lợi tín ngưỡng – Hành vi cần xử lý nghiêm xem tại
<https://www.baohaugiang.com.vn/phap-luat/truc-loi-tin-nguong-hanh-vi-can-xu-ly-nghiem-129290.html> (truy cập ngày 5 tháng 10 năm 2024).
- 27.Trường THCS Đồng Giao: Lá cờ đầu về chất lượng giáo dục toàn diện của thành phố Tam Điệp (tỉnh Ninh Bình) xem tại
<https://tapchigiaoduc.edu.vn/article/88804/217/truong-thcs-dong-giao-la-co-dau-ve-chat-luong-giao-duc-toan-dien-cua-thanh-pho-tam-diep-tinh-ninh-binh> (truy cập ngày 3 tháng 10 năm 2024).

Phụ lục 1 : Một số hình ảnh về đền Quán Cháo



Hình ảnh 1 : Ngôi đền Quán Cháo bên ngoài



Hình ảnh 2: Bàn thờ hội đồng Tứ Phủ của Đền Quán Cháo. Hai bên sẽ là bàn thờ quan Hoàng Bảy và bàn thờ quan Hoàng Mười

(<https://mia.vn/cam-nang-du-lich/kham-pha-den-quan-chao-noi-tieng-linh-thie-ng-xu-ninh-binh-2947>)



Hình ảnh 3: Bức tượng Quan Hoàng Bảy

(<https://mia.vn/cam-nang-du-lich/kham-pha-den-quan-chao-noi-tieng-linh-thie-ng-xu-ninh-binh-2947>)

Phụ lục 2: Một số hình ảnh về Đền Dâu



Hình ảnh 1: Đền Dâu bên ngoài



Hình ảnh 2 : Bàn thờ ông Hoàng Bảy ở đền dẫu

(<https://mia.vn/cam-nang-du-lich/le-hoi-den-dau-tuong-nho-cong-on-thanh-ma-u-cua-nguoi-viet-3011>)